



CÔNG TY CỔ PHẦN  
DỊCH VỤ SONADEZI

B Á O C Á O

**THƯỜNG NIÊN 2019**



CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ SONADEZI

# MỤC LỤC

**01**

THÔNG TIN CHUNG

**02**

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG  
TRONG NĂM

**03**

ĐÁNH GIÁ VÀ BÁO CÁO  
CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

**04**

ĐÁNH GIÁ  
CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

**05**

QUẢN TRỊ CÔNG TY

**06**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH



**Thông tin khái quát**  
**Quá trình hình thành và phát triển**  
**Ngành nghề và địa bàn kinh doanh**  
**Mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh**  
**và bộ máy quản lý**  
**Định hướng phát triển**  
**Các rủi ro**

## **CHƯƠNG 01**

# **THÔNG TIN CHUNG**



## THÔNG TIN KHÁI QUÁT

- Tên giao dịch: Công ty Cổ phần Dịch vụ Sonadezi
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 3600890938 do Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp ngày 15/05/2007; thay đổi lần thứ 12 ngày 26/06/2019
- Vốn điều lệ: 50.000.000.000 đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 50.000.000.000 đồng
- Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà Sonadezi, Số 01, Đường 1, KCN Biên Hoà 1, Phường An Bình, TP. Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai
- Số điện thoại: (0251) 8890 888/777
- Số fax: (0251) 8890 199
- Website: [www.sonadezi-sdv.com.vn](http://www.sonadezi-sdv.com.vn)
- Mã cổ phiếu : SDV



### SỨ MỆNH

- Kinh doanh các dịch vụ nhằm phát triển thành một đơn vị hàng đầu trong cung cấp dịch vụ cho khu công nghiệp, khu đô thị, khu dân cư, góp phần vào sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Đồng Nai; đảm bảo việc làm và phúc lợi cho người lao động; đảm bảo lợi ích hợp pháp của các cổ đông, góp phần tăng thu ngân sách và bảo vệ môi trường.



### TÂM NHÌN

- Trở thành công ty cung cấp dịch vụ cho khu công nghiệp, khu đô thị, khu dân cư... uy tín, chất lượng hàng đầu trong khu vực.



### NĂNG LỰC CỐT LÕI

- Hệ thống quản lý hiệu quả hướng đến dịch vụ chất lượng và chuyên nghiệp.
- Gia tăng giá trị cho xã hội, khách hàng, đối tác, người lao động và cổ đông.



### CHÍNH SÁCH CHẤT LƯỢNG, AN TOÀN VÀ SỨC KHỎE MÔI TRƯỜNG

- Duy trì, cải tiến liên tục hệ thống quản lý chất lượng, môi trường và an toàn sức khỏe nghề nghiệp.
- Sử dụng hợp lý nguồn lực và tài nguyên.
- Kiểm soát ngăn ngừa ô nhiễm, bảo vệ môi trường.
- Đảm bảo sức khỏe cho tất cả nhân viên và các bên liên quan.
- Xây dựng mối quan hệ hợp tác tin cậy, lâu dài với khách hàng, đối tác và các bên liên quan để hướng đến mục tiêu chung của các bên là cùng phát triển, góp phần vào sự phát triển bền vững của cộng đồng.

# QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

Công ty Cổ phần Dịch vụ Sonadezi (SDV) thuộc hệ thống tổ chức “Công ty mẹ - Công ty con” của Tổng công ty Cổ phần Phát triển Khu công nghiệp. Tháng 05/2007, Công ty Cổ phần Dịch vụ Sonadezi chính thức đi vào hoạt động với sự tham gia góp vốn của các cổ đông sáng lập, vốn điều lệ đăng kí là 50.000.000.000 đồng, hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực môi trường.

Trong những năm qua, Công ty Cổ phần Dịch vụ Sonadezi đã từng bước khẳng định thế mạnh trong các lĩnh vực cung cấp dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý nước thải, chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp, rác thải đô thị. Trong đó, khu xử lý chất thải Quang Trung là một trong những dự án trọng điểm, tạo bước đột phá đối với Công ty Cổ phần Dịch vụ Sonadezi cũng như thể hiện quyết tâm đóng góp vào công tác xử lý chất thải, bảo vệ môi trường. Có thể điểm qua những mốc sự kiện quan trọng sau:

Mục tiêu hoạt động của Công ty là “Kinh doanh các dịch vụ nhằm góp phần vào sự phát triển của Tổ hợp Sonadezi nói riêng và kinh tế - xã hội của tỉnh Đồng Nai nói chung; đảm bảo lợi ích hợp pháp của các cổ đông; đảm bảo việc làm và phúc lợi cho người lao động; góp phần tăng thu ngân sách và bảo vệ môi trường tại các khu công nghiệp tập trung và khu dân cư”

2009

Công ty Cổ phần Dịch vụ Sonadezi tiếp tục triển khai Dự án Khu xử lý chất thải với các dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý, tái chế, tái sử dụng và tiêu hủy chất thải sinh hoạt, chất thải công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại. Tháng 05/2009, đầu tư 100% vốn thành lập công ty con - Công ty TNHH MTV Dịch vụ Bảo vệ Sonadezi.

2010-2011

Năm 2010, công ty đầu tư tài chính vào Công ty Cổ phần Sonadezi Long Bình, Công ty Cổ phần Xăng dầu Vĩnh Phú. Năm 2011, Công ty Cổ phần Dịch vụ Sonadezi chính thức giao dịch đầu tiên trên thị trường UPCOM tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán SDV.

2012-2014

Xây dựng và duy trì hệ thống QLCL phù hợp TCVN ISO 17025 cho dịch vụ PTTN và ISO 9001 cho dịch vụ XLNT. Tháng 12/2014, Công ty nhận Giấy chứng nhận ISO 14001 cho dịch vụ XLNT, XLCT, ISO 9001 cho dịch vụ XLNT, XLCT và tư vấn môi trường do tổ chức Bureau Veritas Certification VN cấp.

2015-2016

Tháng 07/2015, Công ty đã được cấp phép để đưa vào hoạt động hạng mục lò đốt chất thải công nghiệp - công suất 1 tấn/ giờ, giúp tăng trưởng trên 50% công suất xử lý chất thải tại Khu XLCT Quang Trung. Quý 2/2016, Công ty Cổ phần Dịch vụ Sonadezi đã đưa vào vận hành trạm tái chế chất thải làm phân compost được đầu tư bài bản theo công nghệ Châu Âu, công suất 200 tấn/ngày.

2019

Thực hiện theo chỉ đạo của UBND tỉnh Đồng Nai và Sở Tài nguyên và Môi trường, Công ty Cổ phần Dịch vụ Sonadezi đã tiếp nhận rác sinh hoạt thêm 200 tấn/ ngày từ TP Biên Hòa, nâng tổng khối lượng rác sinh hoạt tiếp nhận tại địa phương này lên 300 tấn/ngày. Tháng 5/2019, Công ty cũng tiếp nhận thêm rác sinh hoạt tại huyện Long Thành, khối lượng tiếp nhận trung bình 120 tấn/ ngày. Tháng 12/2019, Công ty tiếp nhận thêm rác sinh hoạt tại Huyện Nhơn Trạch, khối lượng 140 tấn/ngày.

2018

Đến ngày 04/09/2018, Khu xử lý chất thải Quang Trung được Phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường số 2738/QĐ-BT-NMT về việc điều chỉnh Dự án đầu tư xây dựng Khu xử lý chất thải Quang Trung, trong đó nổi bật là việc phê duyệt các nội dung đầu tư hệ thống tái chế chất thải và nâng công suất của Trạm tái chế chất thải làm phân Compost lên 1.200 tấn/ngày.

Ngày 10/7/2018, Công ty đã được Bộ Tài nguyên Môi trường cấp Giấy phép xử lý chất thải nguy hại (Cấp lần 2), mã số 5.100.VX; trong đó nổi bật là nội dung mở rộng địa bàn hoạt động từ tỉnh Đồng Nai ra vùng Đông Nam Bộ, bổ sung ô chôn lấp hợp vệ sinh số 5 và nâng cao công suất trạm tái chế chất thải làm phân compost từ 200 tấn/ngày lên 400 tấn/ngày.

2017

Tháng 04/2017 hoàn tất xây dựng Trạm xử lý nước rỉ rác công suất 200 m3/ngày đêm. Công ty tiếp tục đầu tư để hoàn thiện hạ tầng dự án Khu XLCT Quang Trung. Đồng thời, tiếp tục duy trì, nâng cao chất lượng dịch vụ, phục vụ khách hàng nhằm tạo những bước phát triển thị trường trong lĩnh vực xử lý chất thải trong giai đoạn sắp tới.

# CÁC THÀNH TÍCH ĐẠT ĐƯỢC

Qua 12 năm hình thành và phát triển, Công ty Cổ phần Dịch vụ Sonadezi đã tạo được vị thế nhất định trên thị trường và tiếp tục đạt được những thành tích trên cơ sở bám sát định hướng phát triển kinh tế song song với bảo vệ môi trường của tỉnh Đồng Nai.

Ngoài ra, trong năm Công ty đã đạt được những thành tích đáng khích lệ sau:

- Duy trì Giấy chứng nhận Dịch vụ Quan trắc Môi trường theo số hiệu Vimcerts 031.
- Tháng 7/2019 đã thực hiện đánh giá giám sát hệ thống quản lý chất lượng Phòng Thí nghiệm theo ISO/IEC 17025 đồng thời nâng cấp phiên bản ISO/IEC 17025:2017.
- Đến tháng 8/2019 đã nhận được Chứng chỉ công nhận Vilas 310 theo Tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2017.



# NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

## Ngành nghề kinh doanh

Công ty Cổ phần Dịch vụ Sonadezi đã và đang tạo nên thương hiệu riêng trong lĩnh vực xử lý môi trường và dịch vụ KCN thông qua việc tập trung vào các lĩnh vực hoạt động chính như sau:

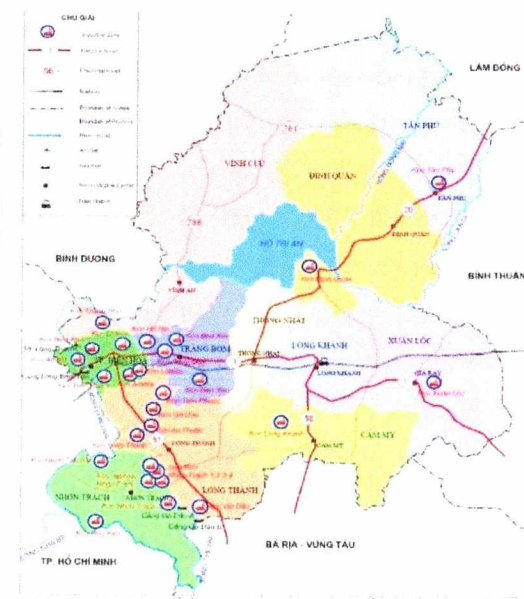
- Dịch vụ môi trường: Xử lý nước thải, xử lý chất thải, dịch vụ quan trắc và phân tích môi trường, dịch vụ tư vấn môi trường.
- Dịch vụ KCN: Dịch vụ vệ sinh công nghiệp, dịch vụ bảo vệ.



## Địa bàn kinh doanh

Công ty Cổ phần Dịch vụ Sonadezi đang hoạt động chủ yếu tại các huyện, thành phố thuộc tỉnh Đồng Nai, ngoài ra Công ty cũng mở rộng địa bàn hoạt động thông qua việc cung cấp dịch vụ vận hành Nhà máy xử lý tập trung của KCN Châu Đức tại huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Bên cạnh đó, trong năm 2018, Công ty cũng được cấp phép xử lý chất thải tại vùng Đông Nam Bộ gồm các tỉnh: Bà Rịa - Vũng Tàu, Bình Dương, Bình Phước, Đồng Nai, Thành phố Hồ Chí Minh, Tây Ninh.



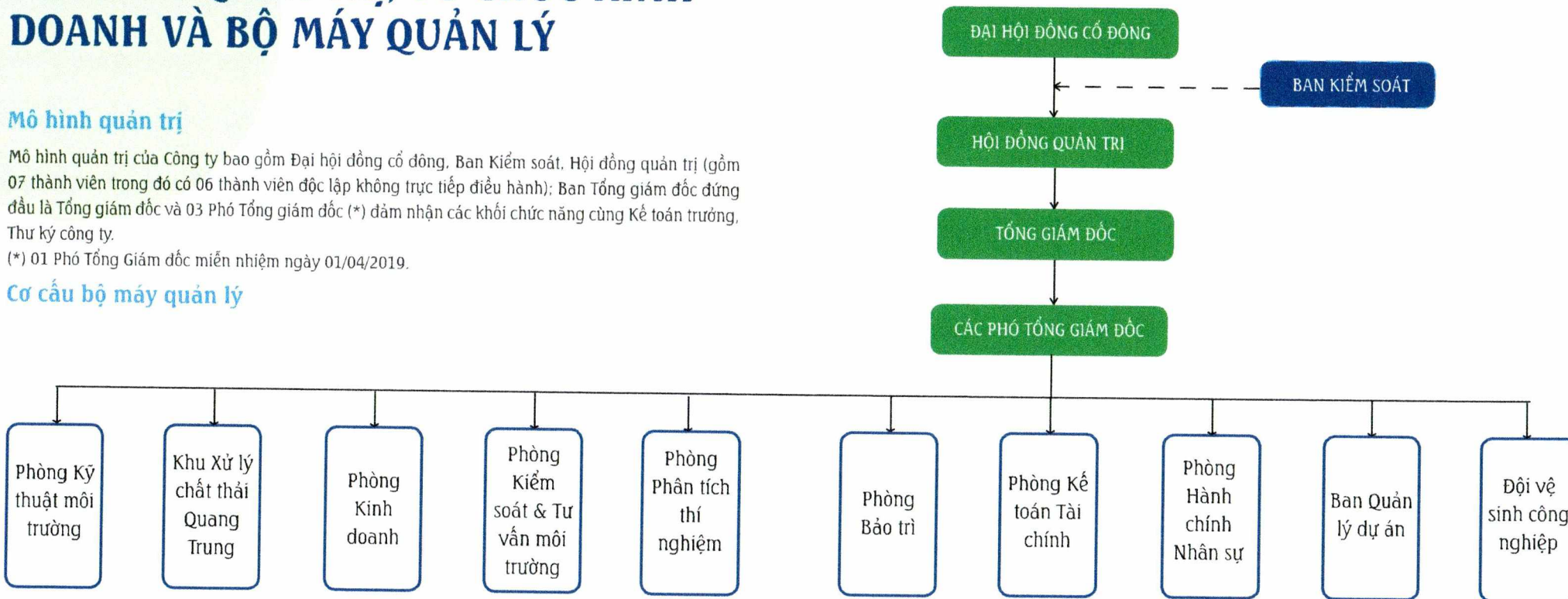
# MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ

## Mô hình quản trị

Mô hình quản trị của Công ty bao gồm Đại hội đồng cổ đông, Ban Kiểm soát, Hội đồng quản trị (gồm 07 thành viên trong đó có 06 thành viên độc lập không trực tiếp điều hành); Ban Tổng giám đốc đứng đầu là Tổng giám đốc và 03 Phó Tổng giám đốc (\*) đảm nhận các khối chức năng cùng Kế toán trưởng, Thư ký công ty.

(\*) 01 Phó Tổng Giám đốc miễn nhiệm ngày 01/04/2019.

## Cơ cấu bộ máy quản lý



# MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ

Các bộ phận, phòng ban của Công ty được phân công từng nhiệm vụ, chức năng chuyên biệt. Cụ thể như sau:

**Phòng Kỹ thuật môi trường** là phòng chuyên môn nghiệp vụ trong tổ chức của Công ty Cổ phần Dịch vụ Sonadezi, trực thuộc Ban TGD Công ty, có chức năng: tham mưu cho Ban TGD Công ty về dịch vụ xử lý nước thải và chương trình kinh doanh dịch vụ xử lý nước thải của Công ty; tổ chức thực hiện dịch vụ xử lý nước thải tại các Nhà máy xử lý nước thải tập trung tại các Khu công nghiệp theo quy định của Công ty và các yêu cầu luật định.

**Khu xử lý chất thải Quang Trung** là đơn vị trực thuộc của Công ty Cổ phần Dịch vụ Sonadezi, có chức năng: tham mưu cho Ban TGD Công ty về tổ chức thực hiện, quản lý và kinh doanh dịch vụ tiếp nhận, vận chuyển và xử lý chất thải của Công ty; quản lý vận hành Khu xử lý chất thải Quang Trung; tổ chức thực hiện dịch vụ tiếp nhận, quản lý và xử lý chất thải tại Khu xử lý chất thải Quang Trung và các công trình xử lý chất thải khác của Công ty theo quy định của Công ty và các yêu cầu luật định.



**Phòng Kiểm soát & Tư vấn môi trường** là phòng chuyên môn nghiệp vụ trong cơ cấu tổ chức hoạt động của Công ty Cổ phần Dịch vụ Sonadezi, trực thuộc Ban TGD Công ty, có chức năng: tham mưu cho Ban TGD Công ty để Ban TGD công ty chỉ đạo thực hiện nhằm đáp ứng và tuân thủ các quy định về môi trường (hoặc có liên quan) của các dịch vụ: xử lý nước thải, quản lý chất thải, xử lý chất thải, tư vấn môi trường, phân tích thí nghiệm; tổ chức thực hiện công tác kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định về môi trường, phân tích thí nghiệm của Công ty; tham mưu, giúp việc cho Ban TGD trong công tác xây dựng, áp dụng và tổ chức triển khai thực hiện các nội dung công việc theo yêu cầu cả hệ thống QTCL & MT trong công ty; tổ chức thực hiện dịch vụ tư vấn môi trường theo quy định của Công ty và các yêu cầu pháp luật.

**Phòng Phân tích thí nghiệm** là phòng chuyên môn nghiệp vụ trong cơ cấu tổ chức của Công ty Cổ phần Dịch vụ Sonadezi, trực thuộc Ban TGD Công ty, có chức năng: tổ chức thực hiện công tác kiểm tra chất lượng nước thải, chất thải theo các quy định hiện hành đối với các hoạt động xử lý nước thải, xử lý chất thải của Công ty; tổ chức thực hiện các hoạt động và dịch vụ phân tích thí nghiệm theo lĩnh vực hoạt động của Công ty được phép thực hiện; tham mưu cho Ban TGD Công ty về kỹ thuật, công thức xử lý nước thải, chất thải.

**Phòng Bảo trì** là phòng chuyên môn nghiệp vụ trong tổ chức của Công ty Cổ phần Dịch vụ Sonadezi, trực thuộc Ban TGD Công ty, có chức năng: tham mưu cho Ban TGD Công ty trong tổ chức thực hiện công tác bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa, thay thế máy móc, trang thiết bị đảm bảo cho việc cung cấp các dịch vụ xử lý nước thải, quản lý chất thải, xử lý chất thải và các dịch vụ khác của Công ty; tổ chức thực hiện công tác bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa, thay thế máy móc, trang thiết bị; tổ chức công tác mua sắm vật tư, thiết bị, các sản phẩm, dịch vụ phục vụ cho công tác bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa, thay thế.

**Phòng kế toán tài chính** là phòng chuyên môn nghiệp vụ trong hệ thống tổ chức của Công ty cổ phần Dịch vụ Sonadezi, trực thuộc Ban TGD Công ty; thực hiện chức năng chuyên môn về kế toán tài chính, thống kê theo quy định Luật kế toán, Luật thống kê hiện hành. Các chức năng cụ thể như sau: tổ chức bộ máy kế toán, mở sổ sách kế toán, ghi chép, phản ánh các nghiệp vụ kinh tế phát sinh vào sổ sách kế toán; kiểm tra, kiểm soát toàn bộ các hoạt động có liên quan đến lĩnh vực tài chính – kế toán của công ty; tham mưu cho Tổng Giám đốc công ty về công tác quản lý tài chính, kế toán, thống kê, chứng khoán của công ty; định hướng công tác tài chính và các công việc có liên quan đến thị trường chứng khoán, cổ phần, cổ phiếu của Công ty Cổ phần Dịch vụ Sonadezi; tính toán, cân nhắc và tham mưu cho TGD để đảm bảo việc sử dụng tiền và nguồn vốn của công ty có hiệu quả.

**Phòng Kinh Doanh** là phòng chuyên môn nghiệp vụ trong tổ chức của Công ty Cổ phần Dịch vụ Sonadezi, trực thuộc Ban TGD Công ty và có chức năng sau: tham mưu cho Ban TGD Công ty về các dịch vụ và chương trình dự án kinh doanh của Công ty; tổ chức thực hiện công tác Marketing, công tác xây dựng và quảng bá thương hiệu của Công ty; nghiên cứu thị trường và đề xuất các chiến lược Marketing; tổng hợp thông tin chung và phân tích số liệu kinh doanh của Công ty; điều hành trực tiếp công tác tìm kiếm khách hàng, ký hợp đồng và tổ chức thực hiện các dịch vụ hiện hữu và phát triển các dịch vụ mới theo phân công; tổng hợp kế hoạch chung của công ty; thực hiện các nhiệm vụ khác khi được Ban TGD Công ty giao.

**Phòng Hành chính Nhân sự** là phòng chuyên môn nghiệp vụ trong cơ cấu tổ chức của Công ty Cổ phần Dịch vụ Sonadezi, trực thuộc Ban TGD Công ty, có chức năng: tham mưu cho Ban Tổng Giám đốc Công ty về công tác Quản trị nhân sự; quản trị Hành chính – Văn phòng; bảo hộ lao động, an toàn – vệ sinh lao động và phòng cháy chữa cháy.

**Ban Quản lý dự án** là một phòng chuyên môn nghiệp vụ trong hệ thống tổ chức của Công ty Cổ phần Dịch vụ Sonadezi, trực thuộc Ban TGD Công ty, có chức năng: tham mưu cho Ban Tổng Giám đốc trong công tác quản lý thực hiện dự án đầu tư xây dựng Khu xử lý chất thải Quang Trung và các dự án đầu tư khác của Công ty; quản lý và triển khai công tác chuẩn bị thực hiện dự án; quản lý và tổ chức triển khai thực hiện dự án đã được phê duyệt theo đúng các quy định hiện hành của Nhà nước; chịu trách nhiệm lập kế hoạch, khảo sát và tổ chức thực hiện công tác xây dựng cơ bản trong phạm vi công ty.

**Đội Vệ sinh công nghiệp** là đơn vị chức năng trong cơ cấu tổ chức của Công ty Cổ phần Dịch vụ Sonadezi, trực thuộc Ban TGD Công ty, có chức năng cụ thể sau: tham mưu cho Ban Tổng Giám đốc về các giải pháp phát triển dịch vụ vệ sinh công nghiệp (viết tắt là DVVSCN) của Công ty; tổ chức thực hiện DVVSCN theo Giấy phép đăng ký kinh doanh của Công ty và nội dung hợp đồng ký với khách hàng.

# MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ

## Các công ty con, công ty liên kết

### Công ty con



### CÔNG TY TNHH MTV DỊCH VỤ BẢO VỆ SONADEZI

- Vốn góp: 2.000.000.000 đồng
- Tỷ lệ nắm giữ của Công ty Cổ phần Dịch vụ Sonadezi: 100%
- Địa chỉ: 22B đường 3A, KCN Biên Hoà 2, TP. Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai
- Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 3601635899 cấp ngày 10/06/2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp.
- Ngành nghề, lĩnh vực kinh doanh: Kinh doanh dịch vụ bảo vệ.

### Công ty liên kết:

Công ty Cổ phần Dịch vụ Sonadezi không có công ty liên kết.

# ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

**A**

### Các mục tiêu chủ yếu của Công ty

- Mục tiêu của Công ty là phát triển dịch vụ bảo vệ môi trường bên cạnh việc đa dạng hóa dịch vụ.
- Lấy khách hàng làm trọng tâm, xây dựng đội ngũ nhân sự chuyên nghiệp, đáp ứng nhu cầu của khách hàng.

**B**

### Các mục tiêu phát triển bền vững

Bên cạnh mục tiêu phát triển kinh tế là việc chung tay cùng cộng đồng trong việc bảo vệ môi trường. Ngành nghề của Công ty như: xử lý chất thải, nước thải sinh hoạt,... góp phần không nhỏ trong việc cải thiện môi trường sống, giải quyết vấn đề ô nhiễm chất thải hiện nay; từ đó xây dựng lên mục tiêu phát triển bền vững của Công ty.

**C**

### Chiến lược phát triển trung và dài hạn

- Nâng cao nhận thức, trình độ chuyên môn của đội ngũ cán bộ nhân viên, khuyến khích sự sáng tạo, đổi mới trong công việc.
- Áp dụng thành tựu của khoa học kĩ thuật, tăng cường kiểm tra, giám sát quá trình cung cấp dịch vụ, tăng năng suất hoạt động.
- Sử dụng chính sách quản lý phù hợp, nâng cao chất lượng hệ thống thiết bị để phù hợp với sự phát triển của kinh tế - xã hội
- Đẩy mạnh công tác đào tạo, nâng cao năng lực ở các bộ phận quản lý của Công ty



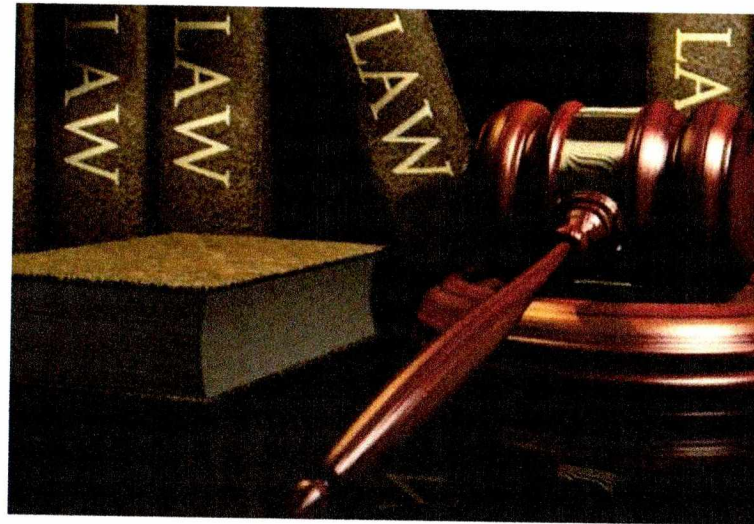
# CÁC RỦI RO



## RỦI RO KINH TẾ

Theo Tổng cục thống kê, GDP năm 2019 tăng trưởng ấn tượng ở mức 7,02% bất chấp sự giảm tốc của nền kinh tế thế giới. Đây là năm thứ hai liên tiếp tăng trưởng GDP vượt mức 7% kể từ năm 2011. Song ý nghĩa hơn con số 7,02% là Việt Nam vẫn duy trì được ổn định kinh tế vĩ mô với việc giữ lạm phát ở mức thấp, nợ công giảm, kim ngạch xuất nhập khẩu vượt mốc 500 tỷ USD, doanh nghiệp thành lập mới đạt mức kỷ lục, môi trường kinh doanh không ngừng được cải thiện....

Tỉnh Đồng Nai là tỉnh dẫn đầu cả nước về phát triển công nghiệp, thu hút nhiều tập đoàn, quốc gia trên thế giới tới đầu tư. Sự phát triển kinh tế ngày càng lớn thì vấn đề xử lý chất thải, nước thải,... càng nhiều, yêu cầu kĩ thuật xử lý để đảm bảo môi trường ngày càng khắt khe. Đó vừa là cơ hội, vừa là thách thức lớn đối với Công ty hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ môi trường như Công ty Cổ phần Dịch vụ Sonadezi.



## RỦI RO HOẠT ĐỘNG

Kinh tế - xã hội nước ta đang trong quá trình thực hiện theo hướng công nghiệp hóa hiện đại hóa, đặc biệt tại các khu công nghiệp, vùng kinh tế trọng điểm. Bên cạnh đó, vấn đề môi trường đang ngày càng tăng theo sự phát triển của kinh tế. Trước thực trạng đó, Đảng và Nhà nước ta đã ban hành nhiều chủ trương, chính sách về bảo vệ môi trường cùng với đó là sự phát triển các loại hình dịch vụ môi trường. Song vẫn chưa đáp ứng kịp thời so với tốc độ tăng trưởng hiện nay. Do vậy, là một doanh nghiệp hoạt động chủ yếu về mảng xử lý nước thải, xử lý chất thải, quan trắc - phân tích thí nghiệm, v.v... nên Công ty tập trung đầu tư toàn diện những dự án hiện tại, đồng thời, tăng cường công tác giám sát, theo dõi nhằm phát hiện kịp thời những sự cố xảy ra đảm bảo chất lượng phục vụ và uy tín của Công ty trên thị trường. Bên cạnh đó, Ban lãnh đạo không ngừng tìm kiếm công nghệ xử lý mới, cải tiến, nâng cấp hệ thống hiện tại, tăng cường bồi dưỡng chất lượng cán bộ công nhân viên chuyên môn có khả năng phản ứng hiệu quả khi có vấn đề phát sinh trong quá trình hoạt động.



## RỦI RO PHÁP LUẬT

Công ty Cổ phần Dịch vụ Sonadezi là Công ty hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần và cổ phiếu được đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội nên hoạt động của Công ty chịu sự chi phối và hướng dẫn của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Luật Thuế và các văn bản pháp lý liên quan khác. Ngoài ra, lĩnh vực hoạt động chủ yếu của Công ty là dịch vụ môi trường, hoạt động bị ràng buộc bởi Luật Bảo vệ môi trường và chịu sự giám sát của Bộ Tài nguyên & Môi trường. Tuy nhiên, hệ thống văn bản pháp luật của nước ta đang trong quá trình bổ sung, sửa đổi để hoàn thiện nên các chính sách, kế hoạch hoạt động kinh doanh của Công ty có sự ảnh hưởng nhất định. Nắm bắt được những mặt hạn chế của vấn đề pháp lý, Công ty đã chủ động theo dõi, cập nhật, đồng thời điều chỉnh quy định sao cho phù hợp với tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty và thị trường, kết hợp với việc sử dụng dịch vụ tư vấn từ tổ chức chuyên nghiệp.



## RỦI RO MÔI TRƯỜNG

Sự phát triển nhanh chóng của nền kinh tế và gia tăng dân số làm cho nhu cầu về nơi sống của con người ngày càng tăng từ đó ảnh hưởng rất lớn đến môi trường. Chất lượng không khí, nguồn nước ngày càng đi xuống cùng với lượng rác thải thải ra môi trường ngày một tăng cũng tạo ra áp lực trong công tác quản lý các dịch vụ bảo vệ môi trường của Công ty Cổ phần Dịch vụ Sonadezi theo các quy chuẩn, tiêu chuẩn và pháp luật về môi trường. Hàng năm, Công ty Cổ phần Dịch vụ Sonadezi luôn nỗ lực trong việc cải tiến quy trình vận hành, hoạt động, máy móc thiết bị cũng như phối hợp với chính quyền địa phương trong công tác quản lý chất thải, hạn chế tác động đến môi trường.



## RỦI RO KHÁC

Những ảnh hưởng của thiên tai, biến đổi khí hậu, vấn đề chính trị, dịch bệnh... có thể gây ra những tổn thất về kinh tế, gây khó khăn cho hoạt động của Công ty. Vì thế, Công ty đã chủ động xây dựng biện pháp trong công tác quản trị công ty nhằm phòng ngừa và khắc phục thiệt hại từ những rủi ro nêu trên.



Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Tổ chức và nhân sự

Các khoản đầu tư

Tình hình tài chính

Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Báo cáo phát triển bền vững

**CHƯƠNG 02**

**TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG  
TRONG NĂM**

# TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Trong năm 2019, doanh thu hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đạt 407.091 tỷ đồng, tăng 96.014 tỷ đồng (tương đương tăng 31%) so với năm 2018. Tổng kết lại hoạt động kinh doanh tăng trưởng tích cực, cụ thể như sau:

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	Thực hiện 2018	Thực hiện 2019	TH 2019/TH 2018
Tổng doanh thu	311.077	407.091	131%
Lợi nhuận trước thuế TNDN	19.644	22.907	117%
Thuế TNDN	2.473	1.594	64%
Lợi nhuận sau thuế	17.171	21.313	124%

## Cơ cấu chi phí

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2018		Năm 2019	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
Giá vốn hàng bán	259.889	89,24%	348.077	90,60%
Chi phí tài chính	12.484	4,29%	14.508	3,78%
Chi phí quản lý doanh nghiệp	18.856	6,47%	20.955	5,45%
Chi phí khác	204	0,07%	645	0,17%
<b>Tổng cộng</b>	<b>291.433</b>	<b>100%</b>	<b>384.185</b>	<b>100%</b>



## Cơ cấu doanh thu

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2018		Năm 2019		2019/2018
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	
Doanh thu xử lý nước thải công nghiệp và xử lý chất thải	261.644	85,28%	358.554	88,52%	137,04%
Doanh thu hoạt động khác (Doanh thu từ dịch vụ phân tích thí nghiệm, kiểm soát & tư vấn môi trường, dịch vụ nhà hàng và vệ sinh công nghiệp,...)	45.164	14,72%	46.492	11,47%	102,94%
<b>Tổng doanh thu</b>	<b>306.808</b>	<b>100%</b>	<b>405.046</b>	<b>100%</b>	<b>132,02%</b>

### Doanh thu xử lý nước thải công nghiệp và xử lý chất thải:

Trong năm 2019, doanh thu xử lý nước thải công nghiệp và xử lý chất thải đạt hơn 358,554 tỷ đồng, tương đương tăng 37,04% so với năm trước. Trong năm, thực hiện theo chỉ đạo của UBND tỉnh Đồng Nai và Sở Tài nguyên và Môi trường, Công ty Cổ phần Dịch vụ Sonadezi đã tiếp nhận rác sinh hoạt thêm khối lượng 200 tấn/ ngày từ TP Biên Hòa, nâng tổng khối lượng rác sinh hoạt tiếp nhận tại địa phương này lên 300 tấn/ngày. Ngoài ra, từ tháng 5/2019, Công ty cũng tiếp nhận thêm rác sinh hoạt tại huyện Long Thành, khối lượng tiếp nhận trung bình 120 tấn/ ngày và đến tháng 12/2019, Công ty tiếp nhận thêm rác thải sinh hoạt tại huyện Nhơn Trạch, khối lượng tiếp nhận trung bình 140 tấn/ ngày. Như vậy, trong năm công ty đang tiếp nhận và xử lý rác thải sinh hoạt trên địa bàn huyện Thống Nhất, Trảng Bom, Vĩnh Cửu, Tân Phú, Long Thành, Tp. Long Khánh, Tp. Biên Hòa và huyện Nhơn Trạch. Việc tiếp nhận thêm rác sinh hoạt tại Biên Hòa, Long Thành và Nhơn Trạch giúp tăng doanh thu dịch vụ này lên đáng kể.

### Doanh thu hoạt động khác:

So với năm 2018, tỷ trọng doanh thu các hoạt động khác năm 2019 giảm xuống còn 11,47% tổng cơ cấu doanh thu của Công ty nhưng các doanh thu từ dịch vụ phân tích thí nghiệm và dịch vụ vệ sinh công nghiệp đều tăng. Các hoạt động này tuy chiếm tỷ trọng nhỏ trong cơ cấu doanh thu của Công ty nhưng lại đóng vai trò lớn trong việc hỗ trợ và gia tăng giá trị cho các dịch vụ trọng tâm khác và góp phần đa dạng hóa các sản phẩm dịch vụ của Công ty.

# TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

## Danh sách Ban điều hành

STT	Họ và tên	Chức vụ	Ghi chú
1	Ông Trần Anh Dũng	Tổng Giám đốc	
2	Ông Huỳnh Phú Hào	Phó Tổng Giám đốc	
3	Ông Nguyễn Duy Hoàng	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 01/04/2019
4	Bà Nguyễn Thị Hồng Lý	Phó Tổng Giám đốc	
5	Bà Chu Huyền Trang	Kế toán trưởng	



## Sơ yếu lý lịch Ban điều hành

### Ông Trần Anh Dũng - Phó chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 28/04/1971
- Địa chỉ thường trú: 29 đường 6 Khu nhà ở Bắc Đinh Bộ Lĩnh, Nguyễn Xí, KP3, P26, Bình Thạnh, TPHCM
- Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh
- Chức vụ hiện tại đang nắm giữ ở Công ty: Phó chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
- Chức vụ hiện tại đang nắm giữ ở tổ chức khác: Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc công ty Cổ phần Môi trường Sonadezi
- Số cổ phần nắm giữ: 250.000 cổ phần, chiếm 5% vốn điều lệ
  - Đại diện sở hữu cho Tổng Công ty Cổ phần phát triển KCN : 250.000 cổ phần, chiếm 5% vốn điều lệ
  - Cá nhân sở hữu: Không

### Ông Huỳnh Phú Hào - Phó Tổng Giám đốc

- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 22/08/1964
- Địa chỉ thường trú: 154/33/12, KP1, Hà Huy Giáp, P. Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Quản trị kinh doanh
- Chức vụ hiện tại đang nắm giữ ở Công ty: Phó Tổng Giám đốc
- Chức vụ hiện tại đang nắm giữ ở tổ chức khác: Không
- Số cổ phần nắm giữ: 30.000 cổ phần, chiếm 0,6% vốn điều lệ
  - Đại diện sở hữu: Không
  - Cá nhân sở hữu: 30.000 cổ phần, chiếm 0,6% vốn điều lệ

# TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

## Sơ yếu lý lịch Ban điều hành

### Bà Nguyễn Thị Hồng Lý - Phó Tổng Giám đốc

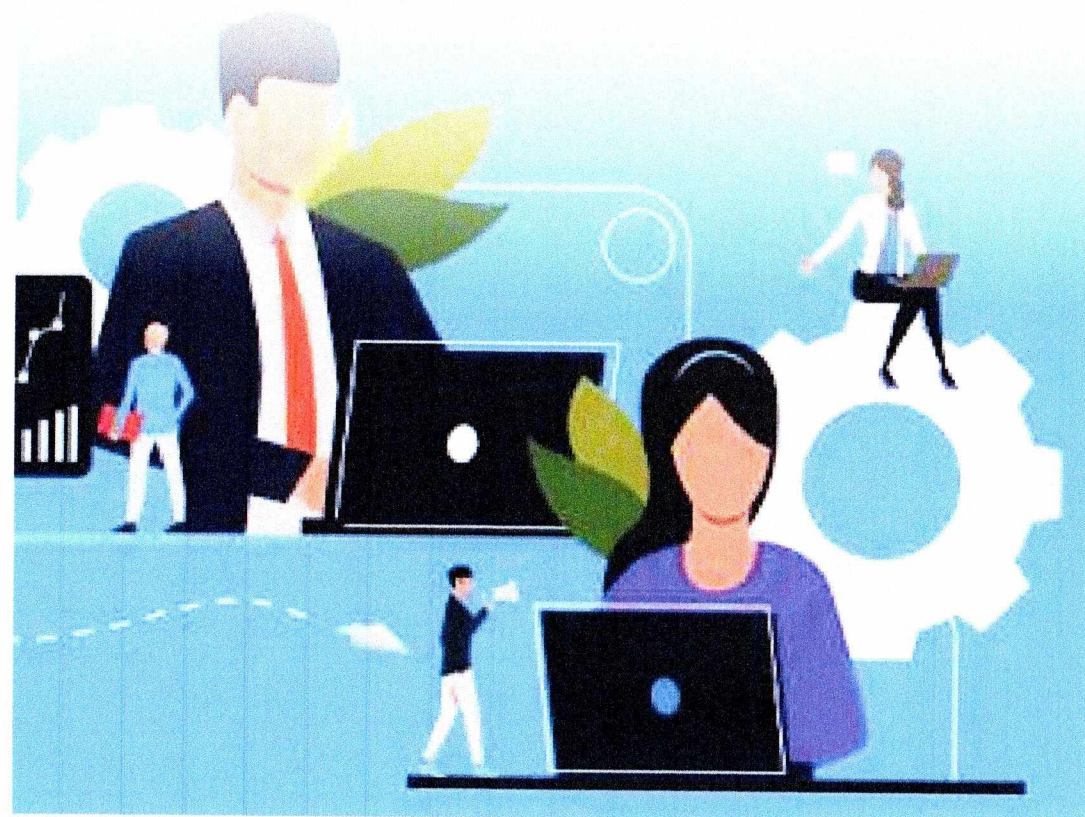
- Giới tính: Nữ
- Ngày sinh: 09/02/1973
- Địa chỉ thường trú: 15-05, Chung cư Amber Court, KP 7, P. Thống Nhất, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị kinh doanh
- Chức vụ hiện tại đang nắm giữ ở Công ty: Phó Tổng Giám đốc
- Chức vụ hiện tại đang nắm giữ ở tổ chức khác: Giám đốc Công ty TNHH MTV Dịch vụ Bảo vệ Sonadezi (SSS)
- Số cổ phần nắm giữ: 10.000 cổ phần, chiếm 0,2% vốn điều lệ
  - Đại diện sở hữu: Không
  - Cá nhân sở hữu: 10.000 cổ phần, chiếm 0,2% vốn điều lệ

### Bà Chu Huyền Trang - Kế toán trưởng

- Giới tính: Nữ
- Ngày sinh: 08/06/1986
- Địa chỉ thường trú: Số nhà 13, KP8, Phường Tân Phong, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế
- Chức vụ hiện tại đang nắm giữ ở Công ty: Kế toán trưởng
- Chức vụ hiện tại đang nắm giữ ở tổ chức khác: Không
- Số cổ phần nắm giữ: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
  - Đại diện sở hữu: Không
  - Cá nhân sở hữu: Không

## Tóm tắt thay đổi thành viên Ban điều hành

STT	Họ và tên	Chức vụ	Miễn nhiệm
1	Ông Nguyễn Duy Hoàng	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 01/04/2019



# TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

## Số lượng cán bộ, nhân viên

STT	Nội dung	ĐVT	Năm 2019	Tỷ lệ
	<b>Số lao động, trong đó</b>	<b>Người</b>	<b>213</b>	<b>100%</b>
1	Trình độ chuyên môn từ Đại học trở lên	Người	103	48,36%
2	Trình độ chuyên môn CNKT, Trung cấp, Cao đẳng	Người	70	32,86%
3	Kỹ thuật viên, đào tạo nghề	Người	26	12,21%
4	Lao động phổ thông	Người	14	6,57%

## Chính sách đối với người lao động, cán bộ công nhân viên

### Chính sách lương, thưởng, phúc lợi:

Các chính sách lương, thưởng, phúc lợi luôn được Công ty quan tâm đánh giá và điều chỉnh thường xuyên nhằm đảm bảo quyền lợi cho cán bộ công nhân viên theo quy định mà Nhà nước ban hành. Cụ thể như sau:

### Về chế độ lương, thưởng:

- Thống nhất quy chế trả lương, thưởng theo kế hoạch sản xuất kinh doanh, thực hiện đúng Thỏa ước lao động tập thể.
- Xây dựng Thang bảng lương phù hợp với mức lương tối thiểu vùng được quy định tại Nghị định 90/2019/NĐ-CP của Chính phủ ban hành và đặc thù công việc của Công ty.
- Căn cứ vị trí công việc, trách nhiệm đảm nhận và hiệu quả công việc, người lao động được hưởng trợ cấp, thưởng phù hợp.

Dựa trên thang bảng lương và quy chế lương, thưởng đã xây dựng, mức tiền lương bình quân năm 2019 của người lao động đạt 12,9 triệu đồng/tháng, đạt 128,1% so với kế hoạch.

### Về tình hình thực hiện chế độ bảo hiểm:

- Thực hiện ký hợp đồng lao động đầy đủ với toàn bộ người lao động, tạo việc làm ổn định;
- Thực hiện đăng ký mua bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế theo đúng quy định của pháp luật.

Trong năm 2019 Công ty đã trích nộp đầy đủ các loại bảo hiểm bắt buộc cho người lao động. Tổng chi phí bảo hiểm năm 2019 mà Công ty tham gia cho lao động là: 4,09 tỷ đồng. Bên cạnh các loại bảo hiểm bắt buộc, Công ty đã ký hợp đồng Bảo hiểm tai nạn con người cho tất cả lao động với mức bồi thường Bảo hiểm tối đa là 20.000.000 đồng/người/vụ theo Thỏa ước Lao động tập thể.



### Về chính sách phúc lợi:

Trong năm Công ty đã chi 729,5 triệu đồng cho nhân viên tham gia du lịch và 661,1 triệu đồng cho đồng phục.

Bên cạnh đó, nhằm gắn kết tập thể, tạo dựng môi trường làm việc thân thiện, Công ty tổ chức và khuyến khích cán bộ công nhân viên tham gia các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao chào mừng các ngày Lễ lớn, ngày thành lập Công ty; tổ chức tặng quà cho con em cán bộ nhân viên nhân ngày Quốc tế Thiếu nhi, Tết trung thu; khen thưởng cho con em đoàn viên "học giỏi sống tốt"; tổ chức thăm hỏi CB, NV ốm đau, thai sản; thăm hỏi đoàn viên và gia đình có hoàn cảnh khó khăn, gia đình có công với cách mạng vào dịp Lễ, Tết, ngày thương binh liệt sỹ 27/7.



### Về chính sách đào tạo:

Công ty luôn tạo điều kiện cho người lao động phát triển bản thân thông qua các chương trình đào tạo, huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ. Người lao động khi tham gia chương trình đào tạo sẽ được nâng cao kiến thức, kỹ năng, đáp ứng tốt yêu cầu của công việc đang phụ trách một cách hiệu quả hơn. Từ đó sẽ mang lại nhiều cơ hội trong việc phát triển công việc của chính người lao động. Trong năm, Công ty đã cử 50 lượt người lao động tham gia 14 khóa đào tạo, huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ.

# CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ

## Dự án đang đầu tư xây dựng

STT	Dự án đang đầu tư xây dựng	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang tại ngày 31/12/2019
1	Công trình khu xử lý chất thải Quang Trung	47.065.095.056 đồng
2	Dự án đầu tư Quang Trung – Lô C, D	40.478.610.058 đồng

## Đầu tư vào đơn vị khác

### CÔNG TY TNHH MTV DỊCH VỤ BẢO VỆ SONADEZI

- Tổng tài sản: 4.896.082.784 đồng
- Tổng mức đầu tư của Công ty: 2.000.000.000 đồng
- Tỷ lệ sở hữu của Công ty: 100%



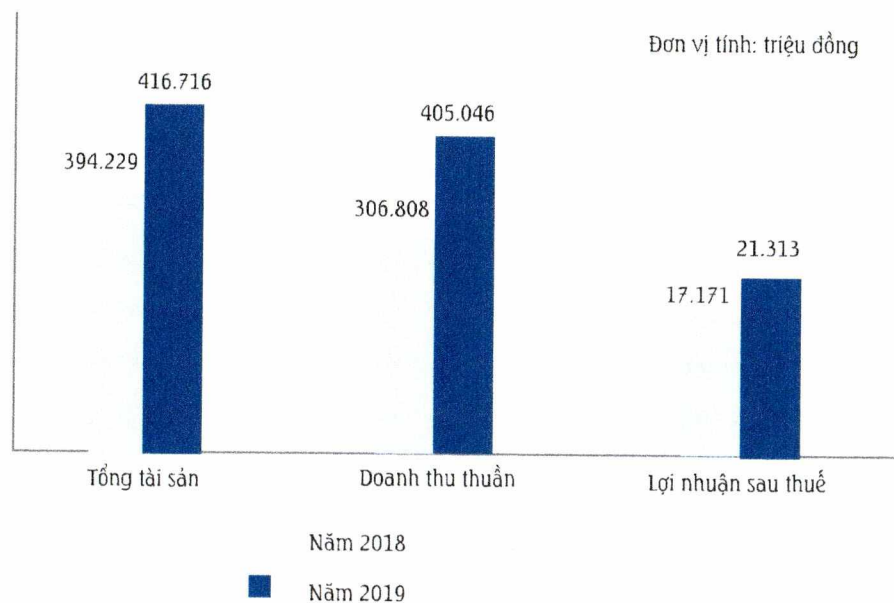
# TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

## Tình hình tài chính

Việc luôn đổi mới, nâng cao chất lượng, cải tiến công nghệ và hoàn thiện bộ máy quản trị đã giúp nâng cao uy tín thương hiệu của Công ty trên thị trường. Bên cạnh đó, việc mở rộng khách hàng thông qua các ký kết các hợp đồng XLNT, XLCT đã giúp doanh thu và lợi nhuận của Công ty tăng trưởng tích cực.

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	2019/2018
Tổng giá trị tài sản	394.229	416.716	106%
Vốn chủ sở hữu	100.718	111.606	111%
Doanh thu thuần	306.808	405.046	132%
Lợi nhuận thuần từ HĐKD	18.655	22.857	123%
Lợi nhuận khác	990	49	5%
Lợi nhuận trước thuế	19.644	22.907	117%
Lợi nhuận sau thuế	17.171	21.313	124%



## Các chỉ số tài chính

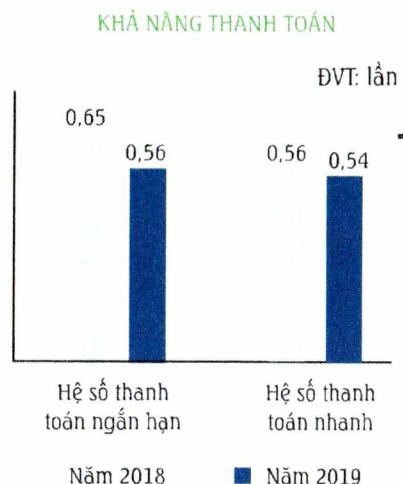
STT	Chỉ tiêu tài chính	ĐVT	2018	2019
<b>I</b>	<b>Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b>			
1	Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	0,65	0,56
2	Hệ số thanh toán nhanh	Lần	0,56	0,54
<b>II</b>	<b>Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b>			
1	Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	74,45	73,22
2	Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	291,42	273,38
<b>III</b>	<b>Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>			
1	Vòng quay Hàng tồn kho	Vòng	36,43	46,82
2	Doanh thu thuần/Tổng tài sản (bình quân)	Vòng	0,84	1,00
<b>IV</b>	<b>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>			
1	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	5,60	5,26
2	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (bình quân)	%	17,60	20,08
3	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (bình quân)	%	4,72	5,26
4	Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	6,08	5,64

# TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

## Các chỉ số tài chính

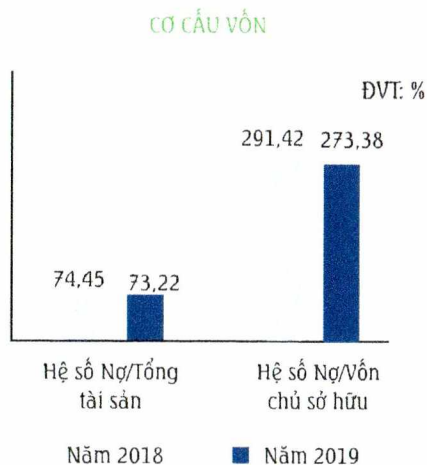
### Về khả năng thanh toán:

Hệ số thanh toán ngắn hạn và thanh toán nhanh giảm nhẹ so với năm 2018 nhưng vẫn nằm trong tầm kiểm soát của Công ty. Dựa vào tình hình hoạt kinh doanh, Công ty đã đưa ra các chính sách, biện pháp phù hợp, góp phần tăng doanh thu nhưng vẫn đảm bảo khả năng thanh toán ngắn hạn của Công ty.



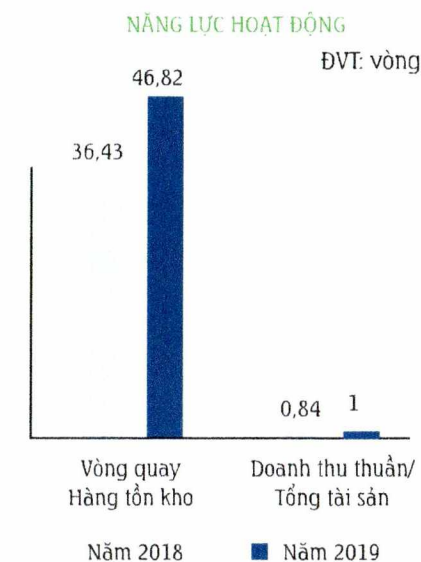
### Về cơ cấu vốn:

Năm 2019, hệ số nợ trên tổng tài sản của Công ty ở 73,22% và hệ số nợ trên vốn chủ sở hữu là 273,38%. Tuy có giảm so với năm 2018 nhưng hệ số nợ vẫn chiếm tỷ trọng cao. Các khoản nợ nhằm đáp ứng nhu cầu vốn lưu động của Công ty trong thời điểm hiện tại cũng như mở rộng quy mô kinh doanh của Công ty trong tương lai nhờ vào việc đầu tư vào Khu xử lý chất thải Quang Trung.



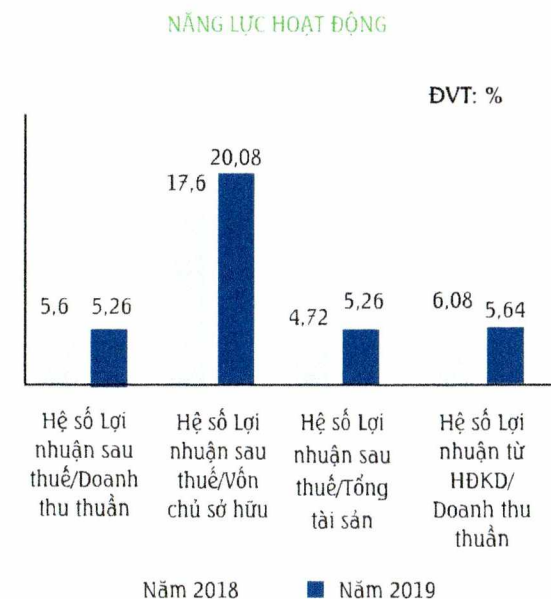
### Về năng lực hoạt động:

Trong năm 2019, hệ số năng lực hoạt động của Công ty tăng khá nhanh so với năm 2018. Nguyên nhân là do trong năm Công ty tiếp nhận thêm khối lượng chất thải cần xử lý tại các khu vực TP. Biên Hòa, Tp. Long Khánh và huyện Nhơn Trạch, góp phần làm tăng doanh thu thuần và giá vốn hàng bán. Việc tăng trưởng vòng quay hàng tồn kho và vòng quay tổng tài sản cho thấy khả năng sử dụng tài sản hiệu quả.



### Về khả năng sinh lời:

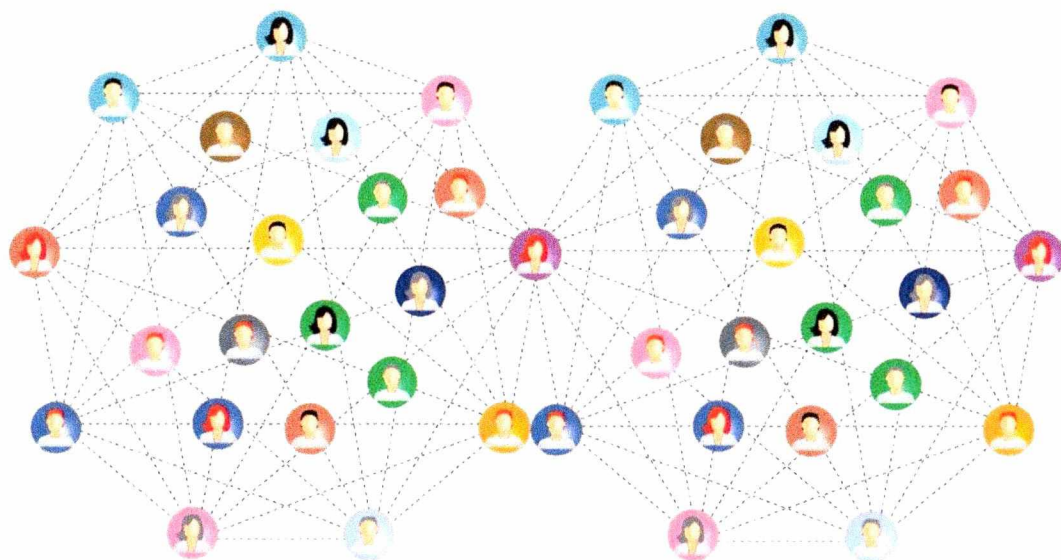
Trong năm 2019, tuy hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần và hệ số Lợi nhuận từ HĐKD/Doanh thu thuần giảm nhẹ nhưng hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu và hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản tăng chứng tỏ hiệu quả sử dụng nguồn vốn và tài sản tăng. Nhìn chung, khả năng sinh lời của Công ty luôn ổn định và đạt ở mức cao.



# CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

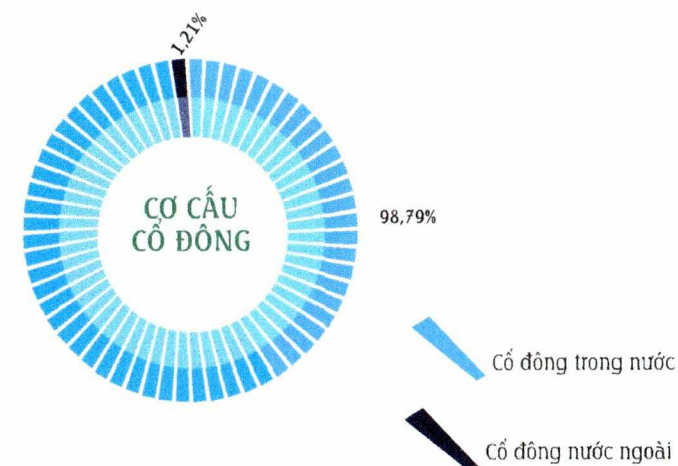
## Cơ cấu cổ phần

Nội dung	Số lượng
Tổng số cổ phần	5.000.000 cổ phần
Số cổ phần đang lưu hành	5.000.000 cổ phần
Cổ phiếu quỹ	0 cổ phần
Số cổ phần hạn chế chuyển nhượng	0 cổ phần



## Cơ cấu cổ đông

STT	Loại cổ đông	Số cổ phần	Tỷ lệ sở hữu
<b>I</b>	<b>Cổ đông trong nước</b>	<b>4.939.400</b>	<b>98,79%</b>
1	Cá nhân	2.370.900	47,42%
2	Tổ chức	2.568.500	51,37%
<b>II</b>	<b>Cổ đông nước ngoài</b>	<b>60.600</b>	<b>1,21%</b>
1	Cá nhân	60.600	1,21%
2	Tổ chức	-	0,00%
<b>Tổng cộng</b>		<b>5.000.000</b>	<b>100%</b>



# BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG



## Báo cáo liên quan đến môi trường

Đi cùng với sự phát triển của nền kinh tế - xã hội, việc gia tăng nhanh chóng của lượng rác thải ra cũng ảnh hưởng mạnh mẽ trực tiếp đến chất lượng môi trường sống.

Trước sự gia tăng khối lượng rác thải sinh hoạt tiếp nhận. Công ty Cổ phần Dịch vụ Sonadezi vẫn không ngừng tìm kiếm giải pháp mới, nâng cao năng lực đội ngũ vận hành đồng thời cải tiến công nghệ để nâng cao năng suất xử lý chất thải nói chung và rác thải sinh hoạt nói riêng. Tại Khu XLCT Quang Trung, Công ty Cổ phần Dịch vụ Sonadezi ghi nhận:

- Từ tháng 12/2018 đến tháng 11/2019: Xử lý và tái sử dụng nước thải, khối lượng 47.622 m<sup>3</sup> ~ bình quân 3.968,5 m<sup>3</sup>/tháng, tương ứng 132,3 m<sup>3</sup>/ngày;
- Lượng nước này chủ yếu là nước thải sinh hoạt, nước rỉ rác, và nước thải khác phát sinh từ các hạng mục xử lý chất thải của Công ty. Lượng nước thải này sẽ được lưu trữ, xử lý để tái sử dụng hoàn toàn vào mục đích xử lý chất thải, khí thải lò đốt tươi ẩm luồng ủ mùn compost... nhằm hạn chế đến mức thấp nhất ảnh hưởng từ hoạt động của Khu XLCT Quang Trung đến môi trường sống.
- Trong năm 2019, trạm tái chế chất thải làm mùn compost đã tiếp nhận, xử lý và tái chế khoảng 275.000 tấn rác sinh hoạt và chất thải công nghiệp hữu cơ không nguy hại thành mùn vi sinh, đảm bảo tỷ lệ chôn lấp trực tiếp dưới 15% theo đúng chủ trương của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai. Ngoài ra, từ tháng 1/2020, Công ty đã được cấp phép để đưa các hệ thống tái chế chất thải công nghiệp khác vào hoạt động như: hệ thống phá dỡ ắc quy, hệ thống súc rửa bao bì, hệ thống ngâm tẩy và súc rửa kim loại vào hoạt động với định hướng gia tăng tỷ trọng chất thải được tái chế trên tổng khối lượng chất thải đưa vào xử lý.

# BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG



## Chính sách liên quan đến người lao động

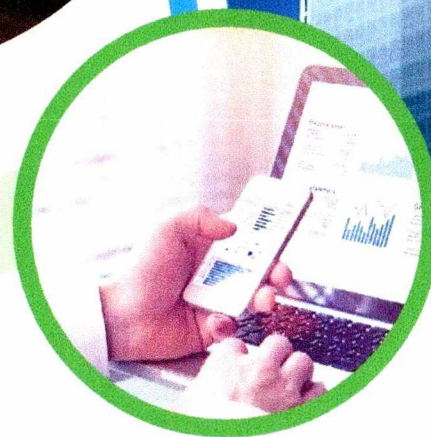
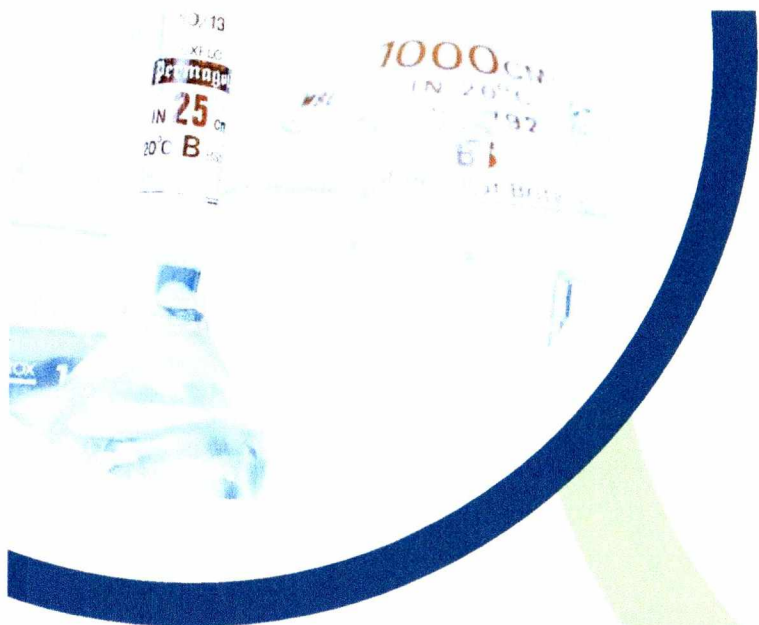
Để đảm bảo chất lượng lao động, Công ty đã xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ, nhân viên. Bên cạnh đó, Công ty luôn thực hiện đầy đủ các chính sách lao động theo quy định của pháp luật như: nộp đầy đủ các loại bảo hiểm bắt buộc cho người lao động; điều chỉnh mức lương nhằm đảm bảo phù hợp với mức lương tối thiểu vùng và đặc thù của Công ty, trang bị bảo hộ lao động đầy đủ cho người lao động theo quy định.



## Báo cáo liên quan đến trách nhiệm với cộng đồng địa phương

Đi đôi với việc phát triển kinh tế, Ban điều hành Công ty đã có nhiều chính sách phát triển cộng đồng cùng với các cơ quan ban ngành, chính quyền địa phương. Trong năm, Công ty đã tổ chức và tham gia các hoạt động từ thiện vì cộng đồng tại địa phương như sau:

- Xây dựng “Nhà tình thương, tình nghĩa”, “Vạn tâm lòng vàng”, “nạn nhân chất độc da cam”, “nghĩa tình Hoàng Sa – Trường Sa”;
- Vận động cán bộ công nhân viên toàn thể Công ty ủng hộ đồng bào bị thiên tai, lũ lụt;
- Tham gia thấp nền tri ân, viếng nghĩa trang liệt sỹ trong ngày 27/7;
- Vận động đoàn viên tham gia hiến máu nhân đạo, trồng cây nhân ngày môi trường Thế Giới;
- Thăm hỏi đoàn viên và gia đình có hoàn cảnh khó khăn, gia đình có công với cách mạng vào dịp lễ, tết, ngày thương binh liệt sỹ 27/7.

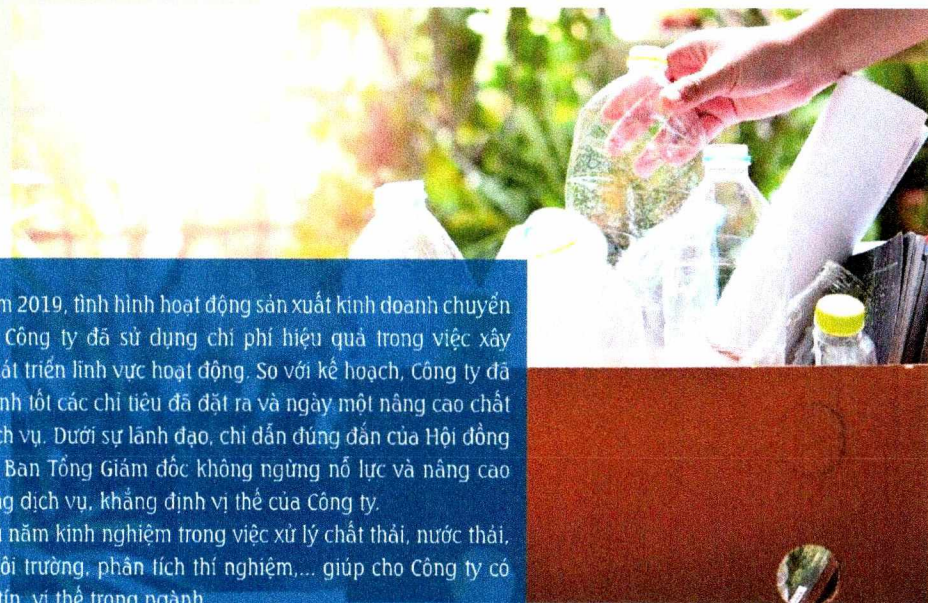


**Đánh giá kết quả  
hoạt động sản xuất kinh doanh**  
**Tình hình tài chính**  
**Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính  
sách, quản lý**  
**Kế hoạch phát triển trong tương lai**  
**Báo cáo đánh giá liên quan đến trách  
nhiệm về môi trường và xã hội của công ty**

## **CHƯƠNG 03**

# **BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

# ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH



Trong năm 2019, tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh chuyển biến tốt, Công ty đã sử dụng chi phí hiệu quả trong việc xây dựng, phát triển lĩnh vực hoạt động. So với kế hoạch, Công ty đã hoàn thành tốt các chỉ tiêu đã đặt ra và ngày một nâng cao chất lượng dịch vụ. Dưới sự lãnh đạo, chỉ dẫn đúng đắn của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc không ngừng nỗ lực và nâng cao chất lượng dịch vụ, khẳng định vị thế của Công ty. Với nhiều năm kinh nghiệm trong việc xử lý chất thải, nước thải, tư vấn môi trường, phân tích thí nghiệm,... giúp cho Công ty có thêm uy tín, vị thế trong ngành.

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	Thực hiện 2018	Thực hiện 2019	TH 2019/ TH 2018
Tổng doanh thu	311.077	407.091	131%
Lợi nhuận trước thuế TNDN	19.644	22.907	117%
Thuế TNDN	2.473	1.594	64%
Lợi nhuận sau thuế	17.171	21.313	124%

Tổng doanh thu năm 2019 đạt 407.091 tỷ đồng, tương đương tăng 31% so với năm 2018. Đó là thành quả nỗ lực của toàn thể Công ty từ Ban lãnh đạo đến nhân viên trong năm qua. Tất cả các chính sách đề ra đều tập trung vào mảng dịch vụ chính của Công ty là dịch vụ xử lý nước thải và xử lý chất thải. Công ty đang từng bước khẳng định mình trên con đường trở thành nhà cung cấp dịch vụ môi trường chuyên nghiệp. Điều đó được thể hiện qua các kết quả cụ thể sau:

## Dịch vụ xử lý nước thải công nghiệp và xử lý chất thải

### Dịch vụ xử lý nước thải

Năm 2019, tổng sản lượng nước thải của 9 nhà máy xử lý nước thải thực hiện là 11.664.252 m<sup>3</sup>. Doanh thu mảng dịch vụ xử lý nước thải của Công ty trong năm đạt 114.501 triệu đồng, đạt 102 % so với kế hoạch. Chất lượng công tác xử lý nước thải trong năm 2019 hoạt động theo dõi, kiểm soát chặt chẽ thông qua các hệ thống quan trắc online, kiểm soát nội bộ hàng ngày, đảm bảo truy suất số liệu nhanh chóng kịp thời. Kết quả nước thải sau xử lý tại các đợt thanh tra kiểm tra định kỳ và đột xuất của các cơ quan quản lý nhà nước đều đạt quy chuẩn xả thải theo Giấy phép xả thải và các quy định khác trong lĩnh vực vận hành xử lý nước thải.

### Dịch vụ xử lý chất thải

Doanh thu dịch vụ XLCT năm 2019 đạt 251.691 tỷ (đạt 156,5 % so với cùng kỳ năm 2018).

- Dịch vụ xử lý rác sinh hoạt: Trong năm, thực hiện theo chỉ đạo của UBND tỉnh Đồng Nai và Sở Tài nguyên và Môi trường, Công ty Cổ phần Dịch vụ Sonadezi đã tiếp nhận rác sinh hoạt thêm khối lượng 200 tấn/ngày từ TP Biên Hòa, nâng tổng khối lượng rác sinh hoạt tiếp nhận tại địa phương này lên 300 tấn/ngày. Ngoài ra, từ tháng 5/2019, Công ty cũng tiếp nhận thêm rác sinh hoạt tại huyện Long Thành, khối lượng tiếp nhận trung bình 120 tấn/ngày và đến tháng 12/2019, Công ty tiếp nhận thêm rác thải sinh hoạt tại huyện Nhơn Trạch, khối lượng tiếp nhận trung bình 140 tấn/ngày. Như vậy, trong năm công ty đang tiếp nhận và xử lý rác thải sinh hoạt trên địa bàn huyện Thống Nhất, Trảng Bom, Vĩnh Cửu, Tân Phú, Long Thành, Tp. Long Khánh, Tp. Biên Hòa và huyện Nhơn Trạch. Việc tiếp nhận thêm rác sinh hoạt tại Biên Hòa, Long Thành và Nhơn Trạch giúp tăng doanh thu dịch vụ này lên đáng kể.
- Dịch vụ xử lý chất thải công nghiệp: hiện Công ty đã thực hiện thu gom chất thải cho các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh. Chất thải sau khi thu gom, vận chuyển về Khu XLCT Quang Trung, được xử lý tại các hạng mục xử lý theo giấy phép được cấp bằng các phương pháp: tái chế, chôn lấp hợp vệ sinh, thiêu đốt, chôn lấp an toàn, hóa rắn, nghiền bóng đèn, xử lý chất thải lỏng, tẩy rửa thu hồi kim loại, phá dỡ thu hồi pin, ắc quy chì, súc rửa thùng phuy.

## Dịch vụ phân tích thí nghiệm, kiểm soát & tư vấn môi trường và vệ sinh công nghiệp

### Dịch vụ phân tích thí nghiệm và dịch vụ kiểm soát, tư vấn môi trường

Đây là những dịch vụ chiếm tỷ trọng nhỏ trong cơ cấu doanh thu của Công ty, tuy nhiên lại đóng vai trò lớn trong việc hỗ trợ và gia tăng giá trị cho các dịch vụ trọng tâm khác và góp phần đa dạng hóa các sản phẩm dịch vụ của Công ty. Trong năm 2019, phòng KS, TVMT đã thực hiện 124 lượt báo cáo TVMT cho các khách hàng tại các KCN trong và ngoài tỉnh Đồng Nai. Ngoài ra, Phòng Phân tích Thí nghiệm của Công ty cũng đã duy trì Giấy chứng nhận Dịch vụ Quan trắc Môi trường theo số hiệu Vimcerts 031, và vào tháng 7/2019 đã thực hiện đánh giá giám sát hệ thống quản lý chất lượng Phòng Thí nghiệm theo ISO/IEC 17025 đồng thời nâng cấp phiên bản ISO/IEC 17025:2017. Đến tháng 8/2019 đã nhận được Chứng chỉ công nhận Vilas 310 theo Tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2017 theo như hoạch định.

### Dịch vụ vệ sinh công nghiệp

Với mảng dịch vụ này, Công ty đã tạo công ăn việc làm cho nhiều người lao động. Bên cạnh duy trì tốt chất lượng dịch vụ đối với khách hàng hiện hữu, đội vệ sinh công nghiệp đã mở rộng dịch vụ ra các công trình bên ngoài tỉnh Đồng Nai.

# TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

## Cơ cấu tài sản

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	% Tăng giảm
<b>Tài sản ngắn hạn</b>	<b>89.271</b>	<b>87.691</b>	<b>98,23%</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền	15.650	31.928	204,01%
Các khoản phải thu ngắn hạn	62.042	51.907	83,66%
Hàng tồn kho	11.571	3.299	28,51%
Tài sản ngắn hạn khác	7	557	7.957,14%
<b>Tài sản dài hạn</b>	<b>304.958</b>	<b>329.025</b>	<b>107,89%</b>
Các khoản phải thu dài hạn	267	267	100%
Tài sản cố định	202.547	217.500	107,38%
Chi phí dở dang dài hạn	76.781	102.680	133,73%
Đầu tư tài chính dài hạn	20.137	0	0
Tài sản dài hạn khác	5.226	8.577	164,70%
<b>Tổng tài sản</b>	<b>394.229</b>	<b>416.716</b>	<b>105,70%</b>



Tài sản ngắn hạn  
Tài sản dài hạn

## Cơ cấu nguồn vốn

Đơn vị tính: triệu đồng

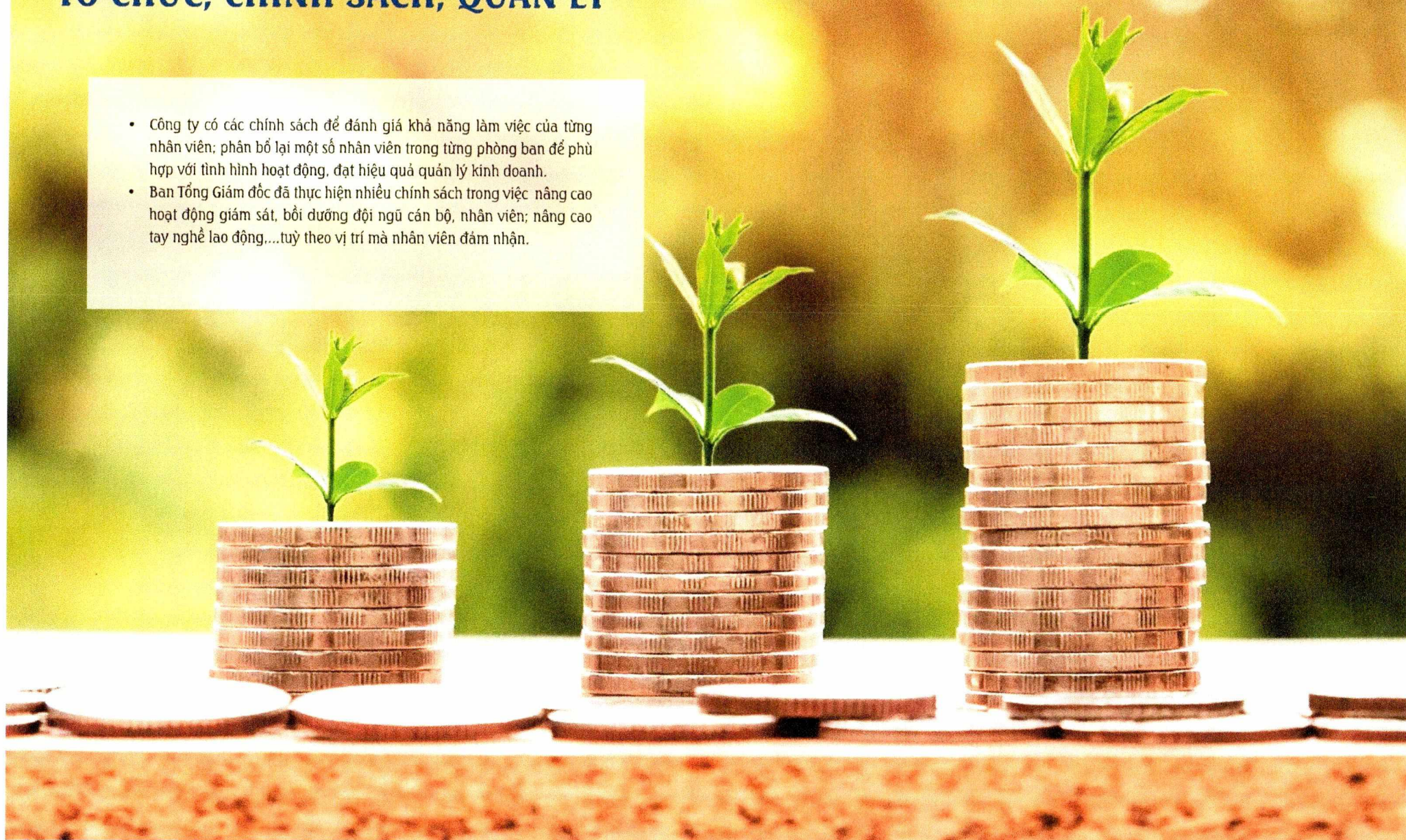
Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	% Tăng giảm
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>137.940</b>	<b>157.281</b>	<b>114,02%</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	58.210	64.340	110,53%
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	31.171	40.441	129,74%
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	1.327	1.704	128,41%
Phải trả người lao động	8.521	9.212	108,11%
Chi phí phải trả ngắn hạn	8.394	7.743	92,24%
Phải trả ngắn hạn khác	4.176	4.091	97,96%
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	25.323	28.413	112,20%
Quỹ khen thưởng phúc lợi	818	1.337	163,45%
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>155.571</b>	<b>147.829</b>	<b>95,02%</b>
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	154.814	147.456	95,25%
Dự phòng phải trả dài hạn	756	373	49,33%
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>293.511</b>	<b>305.110</b>	<b>103,95%</b>



Nợ ngắn hạn  
Nợ dài hạn

## NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ

- Công ty có các chính sách để đánh giá khả năng làm việc của từng nhân viên; phân bổ lại một số nhân viên trong từng phòng ban để phù hợp với tình hình hoạt động, đạt hiệu quả quản lý kinh doanh.
- Ban Tổng Giám đốc đã thực hiện nhiều chính sách trong việc nâng cao hoạt động giám sát, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, nhân viên; nâng cao tay nghề lao động....tùy theo vị trí mà nhân viên đảm nhận.



# KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

Trong năm 2020, Công ty có những định hướng cụ thể sau:



Tập trung phát triển và nâng cao năng lực chuyên môn để thực hiện tốt kế hoạch sản xuất kinh doanh. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát công tác môi trường ở các Nhà máy xử lý nước thải tập trung tại các khu công nghiệp, bảo đảm an toàn trong quá trình vận hành, đảm bảo ngăn ngừa và xử lý kịp thời các sự cố theo phương án ứng phó sự cố đã được ban hành.



Duy trì áp dụng và không ngừng cải tiến hệ thống quản lý chất lượng và môi trường theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015, 14001:2015 và hệ thống quản lý an toàn sức khỏe nghề nghiệp theo tiêu chuẩn OHSAS 18001:2007, đảm bảo không có bất cứ tai nạn lao động mức độ nặng nào xảy ra trên địa bàn áp dụng OHSAS của Công ty.



Đầu tư hoàn thiện hạ tầng dự án Khu Xử lý chất thải Quang Trung với các hạng mục công trình như: Tiếp tục cải tiến hệ thống xử lý tái chế chất thải làm phân compost; Thi công mới ô chôn lấp hợp vệ sinh và ô chôn lấp an toàn; tiếp tục đầu tư hoàn thiện hạ tầng Lô C,D, thi công hệ thống cấp nước toàn Khu Xử lý chất thải Quang Trung,... Trong năm 2020, Công ty sẽ hoàn tất công tác thi công, lắp đặt và đưa vào vận hành các hạng mục tái chế chất thải.

# BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM VỀ MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI

Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường

Hiểu được tầm quan trọng của môi trường, Công ty luôn nỗ lực nâng cao năng suất trong việc xử lý chất thải, nước thải ở mức tối đa; giúp hạn chế lượng chất thải ảnh hưởng đến môi trường. Không chỉ thế, tài nguyên nước, năng lượng điện được Công ty sử dụng hợp lý, tiết kiệm, tránh lãng phí.



Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động

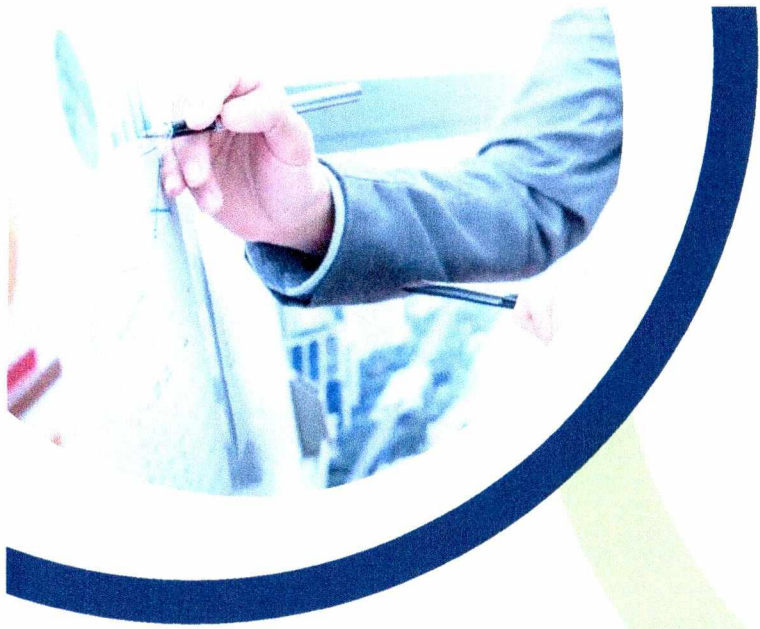
Sự phát triển của Công ty có sự góp sức không nhỏ của người lao động. Chính vì thế, Công ty luôn có những chính sách ưu tiên, đảm bảo sức khỏe, an toàn cho người lao động, đặc biệt là các công nhân làm việc trực tiếp ở các nhà máy, khu xử lý. Đồng thời, Công ty cũng thường xuyên tổ chức hội thao nhằm cải thiện đời sống tinh thần cũng như gắn kết mối quan hệ của toàn thể nhân viên trong Công ty.



Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương

Ở những địa bàn Công ty hoạt động, Công ty thường xuyên kết hợp với chính quyền địa phương, khảo sát ý kiến của người dân khu vực xung quanh để tránh những khó khăn trong việc xử lý rác thải, hạn chế ảnh hưởng tới địa phương.





**Đ**ánh giá về các mặt hoạt động của Công ty  
**Đ**ánh giá về hoạt động của Ban Giám đốc công ty

## **CHƯƠNG 04** **BÁO CÁO** **CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

# ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

## Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2019

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019
Vốn điều lệ	Triệu đồng	50.000	50.000	50.000
Tổng doanh thu	Triệu đồng	240.476	311.077	407.091
Tổng chi phí	Triệu đồng	224.386	291.433	384.193
Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	16.090	19.644	22.907
Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	14.810	17.171	21.313
Tỷ suất lợi nhuận trên vốn điều lệ	%	29,62	34,34	42,63
Mức chia cổ tức	%	15	15	15 (*)

(\*) Dự kiến theo Nghị quyết đã được ĐHĐCĐTN 2019 thông qua.

Trong năm 2019, doanh thu và lợi nhuận sau thuế có xu hướng tăng trưởng tốt. Với việc đầu tư cho việc mở rộng quy mô sản xuất kinh doanh, nâng cao năng lực quản lý cải tiến công nghệ của hệ thống xử lý chất thải làm cho sản xuất kinh doanh của Công ty ngày một tiến triển.

Kết hợp cùng với Ban Tổng Giám đốc đã đưa ra nhiều chính sách hợp lý, tăng các khoản xây dựng để tiếp tục triển khai, mở rộng quy mô Khu Xử lý chất thải Quang Trung phục vụ cho hoạt động kinh doanh chính của Công ty.

Ban hành các Nghị quyết, Quyết định đã đưa ra nhiều chính sách phù hợp với sự phát triển.

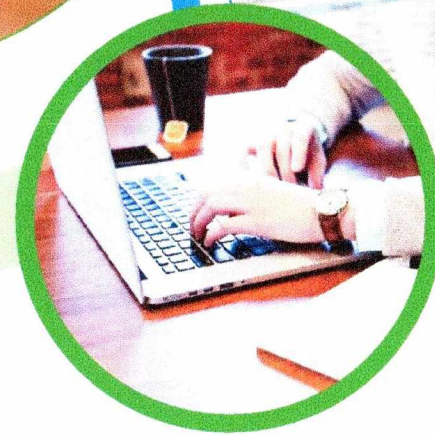
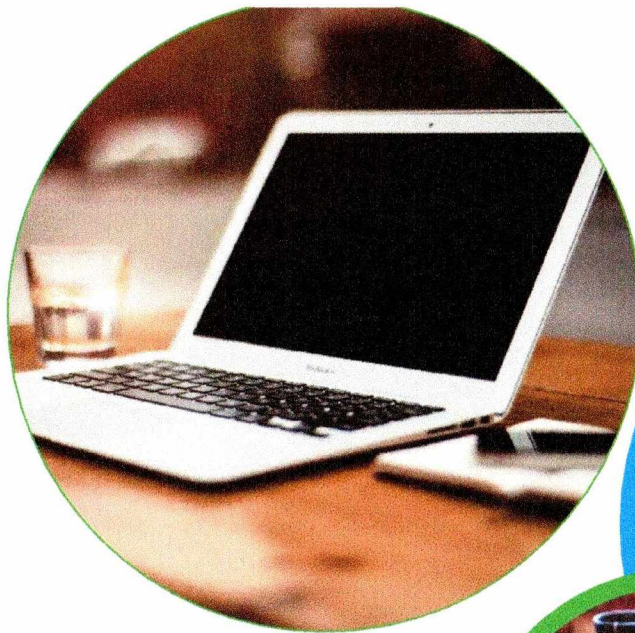


# ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC CỦA CÔNG TY

Trong năm 2019, Ban Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý khác đã hoàn thành tốt việc điều hành hoạt động kinh doanh cũng như đưa các dự án trọng điểm vào vận hành hiệu quả, cụ thể:

- Hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019 do Đại hội đồng cổ đông đề ra.
- Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đối với nộp ngân sách nhà nước, không để tồn nợ thuế, tránh phát sinh nợ quá hạn các khoản tiền vay ngân hàng.
- Quản lý vận hành hiệu quả dự án Khu xử lý chất thải Quang Trung giai đoạn I và tiếp tục chỉ đạo, triển khai, giám sát thực hiện hạng mục đầu tư mới theo đúng tiến độ, đảm bảo năng lực cung cấp xử lý chất thải của Công ty phù hợp với thị trường.
- Quản lý bộ máy lao động hiệu quả, phân công công việc hợp lý cho từng bộ phận để đảm bảo hiệu quả hoạt động kinh doanh.





**B**áo cáo tài chính

## **CHƯƠNG 05**

# **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**



**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ  
SONADEZI VÀ CÔNG TY CON**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ SONADEZI VÀ CÔNG TY CON**  
Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà Sonadezi, Số 01, Đường 1, Khu công nghiệp Biên Hòa 1,  
Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

**MỤC LỤC**

	<b>Trang</b>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 – 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 – 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	5 – 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	8 – 9
Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	10 – 38

### **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dịch vụ Sonadezi (dưới đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm đã được kiểm toán của Công ty và công ty con (dưới đây cùng với Công ty gọi chung là "Tập đoàn") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

#### **THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Nguyễn Long Bón	Chủ tịch
Ông Trần Anh Dũng	Phó Chủ tịch
Ông Phạm Anh Tuấn	Thành viên
Ông Đinh Ngọc Thuận	Thành viên
Ông Bạch Văn Hiền	Thành viên
Ông Trần Hồ Dũng	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Hiếu	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Vũ Văn Nam	Trưởng ban
Bà Đặng Thị Thúy Hằng	Thành viên
Bà Nguyễn Mai An	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Trần Anh Dũng	Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Hồng Lý	Phó Tổng Giám đốc
Ông Huỳnh Phú Hào	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Duy Hoàng	Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 01/04/2019)

#### **KIỂM TOÁN VIÊN**

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán & Tư Vấn RSM Việt Nam, thành viên RSM Quốc tế.

#### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất hằng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất cũng như kết quả kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

### **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)**

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tập đoàn đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính hợp nhất được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Tập đoàn và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

#### **CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn công bố rằng, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn vào ngày 31 tháng 12 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



**Trần Anh Dũng**  
**Tổng Giám đốc**

Đồng Nai, ngày 05 tháng 03 năm 2020

KẾ TÍNH TOÁN VÀ KIỂM TOÁN

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ SONADEZI

Số: 20.105-HN/BCKT-RSMHCM

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi:** Các thành viên Hội đồng Quản trị  
Các thành viên Ban Tổng Giám đốc  
CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ SONADEZI

### Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính hợp nhất

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Dịch vụ Sonadezi (dưới đây gọi tắt là "Công ty") và công ty con (cùng với Công ty dưới đây gọi chung là "Tập đoàn"), được lập ngày 05 tháng 03 năm 2020 từ trang 05 đến trang 38, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

### Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Dịch vụ Sonadezi và công ty con vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC ngày 22/12/2014, Thông tư số 53/2016/TT- BTC ngày 21/03/ 2016 và hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

### Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý người đọc đến mục 2.6 trong Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất về việc Tập đoàn có tỷ số thanh toán hiện hành tại ngày 31/12/2019 là 0,56 thấp hơn mức chuẩn là 1. Điều kiện này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Tập đoàn. Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề này.



**Lục Thị Vân**  
Phó Tổng Giám đốc  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số:  
0172-2018-026-1

Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam  
TP. Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 03 năm 2020

**Trịnh Thanh Thanh**  
Kiểm toán viên  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số:  
2820-2020-026-1

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ SONADEZI VÀ CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà Sonadezi, Số 01, Đường 1, Khu công nghiệp Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

Mẫu số B 01 - DN/HN

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 31/12/2019

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2019	Tại ngày 01/01/2019
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>87.691.012.810</b>	<b>89.270.715.327</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	4.1	<b>31.927.989.908</b>	<b>15.650.309.030</b>
1. Tiền	111		22.827.989.908	13.650.309.030
2. Các khoản tương đương tiền	112		9.100.000.000	2.000.000.000
<b>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>51.907.337.057</b>	<b>62.041.842.461</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4.2	48.648.176.399	52.503.687.397
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		1.553.184.183	5.832.243.659
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	4.3	3.705.976.475	3.705.911.405
<b>III. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>3.298.704.120</b>	<b>11.571.496.072</b>
1. Hàng tồn kho	141	4.4	3.298.704.120	11.571.496.072
<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>556.981.725</b>	<b>7.067.764</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		5.204.498	-
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	4.12	551.777.227	7.067.764
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>329.024.638.510</b>	<b>304.958.154.601</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>267.252.300</b>	<b>267.252.300</b>
1. Phải thu dài hạn khác	216	4.3	267.252.300	267.252.300
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>217.500.109.133</b>	<b>202.546.512.345</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.5	217.366.963.306	202.522.449.849
Nguyên giá	222		300.413.959.271	260.548.487.792
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(83.046.995.965)	(58.026.037.943)
2. Tài sản cố định vô hình	227		133.145.827	24.062.496
Nguyên giá	228		280.463.000	147.663.000
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(147.317.173)	(123.600.504)
<b>III. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>102.680.182.662</b>	<b>76.780.844.548</b>
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241	4.6	15.136.477.548	8.991.454.806
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	4.7	87.543.705.114	67.789.389.742
<b>IV. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>-</b>	<b>20.137.250.000</b>
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	20.137.250.000
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>8.577.094.415</b>	<b>5.226.295.408</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	4.8	8.577.094.415	5.226.295.408
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>416.715.651.320</b>	<b>394.228.869.928</b>

(Xem trang tiếp theo)

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ SONADEZI VÀ CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà Sonadezi, Số 01, Đường 1, Khu công nghiệp Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

Mẫu số B 01 - DN/HN

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Tại ngày 31/12/2019

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2019	Tại ngày 01/01/2019
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>305.109.833.648</b>	<b>293.511.342.181</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>157.281.275.977</b>	<b>137.940.388.761</b>
1. Nợ phải trả người bán ngắn hạn	311	4.9	64.340.244.142	58.209.908.148
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	4.10	40.441.349.393	31.170.910.476
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	4.11	1.703.819.202	1.327.189.803
4. Phải trả người lao động	314	4.12	9.212.347.279	8.521.437.472
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	4.13	7.742.701.932	8.394.104.701
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	4.14	4.091.010.094	4.175.916.577
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	4.15	28.413.200.000	25.323.200.000
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.336.603.935	817.721.584
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>147.828.557.671</b>	<b>155.570.953.420</b>
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	4.15	147.455.984.163	154.814.484.163
2. Dự phòng phải trả dài hạn	342		372.573.508	756.469.257
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>111.605.817.672</b>	<b>100.717.527.747</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	4.16.1	<b>111.605.817.672</b>	<b>100.717.527.747</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	4.16.2	50.000.000.000	50.000.000.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		50.000.000.000	50.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		29.805.445.957	26.471.612.284
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		31.800.371.715	24.245.915.463
LNST chưa phân phối lũy kế đến CK trước	421a		10.487.819.439	7.724.731.724
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		21.312.552.276	16.521.183.739
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>416.715.651.320</b>	<b>394.228.869.928</b>



Trần Anh Dũng  
Tổng Giám đốc  
Đồng Nai, ngày 05 tháng 03 năm 2020

Chu Huyền Trang  
Kế toán trưởng

Hoàng Thị Ngân  
Người lập

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ SONADEZI VÀ CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà Sonadezi, Số 01, Đường 1, Khu công nghiệp Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

Mẫu số B 02 - DN/HN

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2019	Năm 2018
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		405.046.365.672	306.807.567.609
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	5.1	405.046.365.672	306.807.567.609
3. Giá vốn hàng bán	11	5.2	348.077.262.638	259.889.149.945
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		56.969.103.034	46.918.417.664
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.3	1.350.243.995	3.075.602.197
6. Chi phí tài chính	22	5.4	14.507.522.011	12.483.588.039
Trong đó, chi phí lãi vay	23		12.016.854.011	11.836.594.399
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.5	20.954.740.250	18.855.393.779
8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		22.857.084.768	18.654.538.043
9. Thu nhập khác	31		694.660.975	1.193.845.059
10. Chi phí khác	32		645.197.138	203.935.284
11. Lợi nhuận khác	40		49.463.837	989.909.775
12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		22.906.548.605	19.644.447.818
13. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.7	1.593.996.329	2.473.486.926
14. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		21.312.552.276	17.170.960.892
15. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		21.312.552.276	17.170.960.892
16. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	4.16.5	3.410	2.848
17. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	4.16.5	3.410	2.848



Trần Anh Dũng  
Tổng Giám đốc  
Đồng Nai, ngày 05 tháng 03 năm 2020

Chu Huyền Trang  
Kế toán trưởng

Hoàng Thị Ngân  
Người lập

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời của báo cáo tài chính

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ SONADEZI VÀ CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà Sonadezi, Số 01, Đường 1, Khu công nghiệp Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

Mẫu số B 03 - DN/HN

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**  
(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2019	Năm 2018
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		22.906.548.605	19.644.447.818
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	5.6	25.044.674.691	15.526.454.359
Các khoản dự phòng	03		(383.895.749)	-
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		47.049.005	(3.075.602.197)
Chi phí lãi vay	06	5.4	12.016.854.011	11.836.594.399
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	08		59.631.230.563	43.931.894.379
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		9.516.755.941	(7.333.191.465)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	10		2.127.769.210	(12.571.650.834)
Tăng, giảm chi phí trả trước	11		21.408.576.699	12.029.766.453
Tiền lãi vay đã trả	12		(3.356.003.505)	921.548.724
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(12.806.047.011)	(12.080.361.399)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	15	4.11	(2.274.818.753)	(2.239.350.322)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	17		(2.411.639.887)	(5.945.736.610)
	20		71.835.823.257	16.712.918.926
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(63.879.843.374)	(36.318.555.758)
2. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		18.739.957.000	500.000.000
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	5.3	1.350.243.995	3.075.602.197
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(43.789.642.379)	(32.742.953.561)

(Xem trang tiếp theo)

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời của báo cáo tài chính

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ SONADEZI VÀ CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà Sonadezi, Số 01, Đường 1, Khu công nghiệp Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

Mẫu số B 03 - DN/HN

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2019	Năm 2018
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
1. Tiền thu từ đi vay	33	6.1	32.043.700.000	36.250.000.000
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	6.2	(36.312.200.000)	(18.503.492.393)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	4.16.3	(7.500.000.000)	(7.500.000.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(11.768.500.000)</b>	<b>10.246.507.607</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM</b> (50 = 20+30+40)	<b>50</b>		<b>16.277.680.878</b>	<b>(5.783.527.028)</b>
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		15.650.309.030	21.433.836.058
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
<b>TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM</b> (70 = 50+60+61)	<b>70</b>	4.1	<b>31.927.989.908</b>	<b>15.650.309.030</b>



Trần Anh Dũng  
Tổng Giám đốc  
Đồng Nai, ngày 05 tháng 03 năm 2020

Chu Huyền Trang  
Kế toán trưởng

Hoàng Thị Ngân  
Người lập

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ SONADEZI VÀ CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà Sonadezi, Số 01, Đường 1, Khu công nghiệp Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

Mẫu số B 09 - DN/HN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

**1.1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Dịch vụ Sonadezi (dưới đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4703000382 ngày 15 tháng 05 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp và các Giấy phép thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3600890938 vào ngày 26 tháng 06 năm 2019.

Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán số 287/2010/GCNCP-VSD ngày 17 tháng 12 năm 2010 của Trung tâm lưu ký Chứng khoán Việt Nam về chứng nhận đã đăng ký chứng khoán và được cấp mã chứng khoán.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 50 tỷ đồng, được chi tiết như sau:

Nhà đầu tư	Quốc gia/ Quốc tịch	Tại ngày 31/12/2019		Tại ngày 01/01/2019	
		Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)	Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)
Tổng Công ty Cổ phần Phát triển Khu công nghiệp	Việt Nam	10.000.000.000	20	10.000.000.000	20
Công ty Cổ phần Môi trường Sonadezi	Việt Nam	5.000.000.000	10	5.000.000.000	10
Công ty Cổ phần Sonadezi Long Thành	Việt Nam	2.500.000.000	5	2.500.000.000	5
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Công nghiệp số 2	Việt Nam	2.500.000.000	5	2.500.000.000	5
Công ty Cổ phần Sonadezi Châu Đức	Việt Nam	1.500.000.000	3	1.500.000.000	3
Công ty TNHH MTV Xây dựng Cấp nước Đồng Nai	Việt Nam	1.000.000.000	2	1.000.000.000	2
Công ty Cổ phần Sonadezi An Bình	Việt Nam	1.000.000.000	2	1.000.000.000	2
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Vật liệu Đồng Nai	Việt Nam	1.000.000.000	2	1.000.000.000	2
Công ty Cổ phần Công trình Giao thông Đồng Nai	Việt Nam	1.000.000.000	2	1.000.000.000	2
Công ty TNHH Tiên Triết	Việt Nam	1.000.000.000	2	1.000.000.000	2
Các cổ đông khác	Việt Nam	23.500.000.000	47	23.500.000.000	47
<b>Cộng</b>		<b>50.000.000.000</b>	<b>100</b>	<b>50.000.000.000</b>	<b>100</b>

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại Tầng 8, Tòa nhà Sonadezi, Số 01, Đường 1, Khu công nghiệp Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai.

Công ty có đầu tư vào 01 công ty con như được trình bày tại mục 1.6 dưới đây (cùng với Công ty dưới đây gọi chung là "Tập đoàn").

Tổng số nhân viên của Tập đoàn tại ngày 31/12/2019 là 416 (31/12/2018 là: 405).

**1.2. Lĩnh vực kinh doanh**

Xử lý nước thải, chất thải và dịch vụ bảo vệ.

### BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

#### 1.3. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Tập đoàn là:

- Thu gom rác thải không độc hại; Thu gom rác thải độc hại;
- Xử lý và tiêu hủy rác thải không độc hại; Xử lý và tiêu hủy rác thải độc hại;
- Thoát nước và xử lý nước thải;
- Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Vệ sinh nhà cửa và các công trình khác;
- Dịch vụ bảo vệ;
- Các hoạt động khác.

#### 1.4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tập đoàn là 12 tháng.

#### 1.5. Cấu trúc Tập đoàn

Trong năm và vào ngày lập báo cáo này, Tập đoàn được cấu trúc theo hình thức sở hữu trực tiếp gồm công ty mẹ và 01 công ty con trực tiếp.

#### 1.6. Công ty con trực tiếp được hợp nhất

Tên	Địa chỉ	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Bảo vệ Sonadezi	Số 22B, Đường 3A, Khu công nghiệp Biên Hòa II, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai	100%	100%

## 2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

#### 2.1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam.

#### 2.2. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

#### 2.3. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tập đoàn từ 01/01 đến 31/12.

#### 2.4. Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là VND.

(Xem trang tiếp theo)

### BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

#### 2.5. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất là báo cáo tài chính của Tập đoàn mà trong đó tài sản, nợ, nguồn vốn, doanh thu, chi phí và dòng tiền của công ty mẹ và các công ty con được trình bày như một doanh nghiệp độc lập không tính đến ranh giới pháp lý của các công ty riêng biệt. Báo cáo tài chính của công ty con đã được lập cho cùng năm tài chính với công ty mẹ theo các chính sách kế toán thống nhất với các chính sách kế toán của công ty mẹ. Các bút toán điều chỉnh đã được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính thống nhất giữa công ty con và công ty mẹ.

#### Phương pháp loại trừ giao dịch nội bộ

Tất cả các số dư và các giao dịch nội bộ, kể cả các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ hoàn toàn khi hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện cũng được loại trừ trên báo cáo tài chính hợp nhất, trừ trường hợp chi phí gây ra khoản lỗ đó không thể thu hồi.

#### 2.6. Giả định hoạt động liên tục

Tập đoàn có tỷ số thanh toán hiện hành tại ngày 31/12/2019 là 0,56 thấp hơn mức chuẩn là 1. Khả năng hoạt động liên tục của Tập đoàn phụ thuộc vào các hoạt động có lãi trong tương lai và việc Tập đoàn có thể thu hồi được các khoản công nợ cũng như khả năng các bên cho vay tiếp tục cung cấp hạn mức tín dụng cho Tập đoàn.

Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn đã đánh giá một cách thận trọng kế hoạch kinh doanh và kế hoạch dòng tiền để có nguồn tiền thanh toán các khoản công nợ và nghĩa vụ tài chính đến hạn. Do vậy, các báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 vẫn được soạn thảo trên cơ sở Tập đoàn tiếp tục hoạt động liên tục.

## 3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU ĐƯỢC ÁP DỤNG

#### 3.1. Ngoại tệ

- Tỷ giá áp dụng trong kế toán là tỷ giá của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam;
- Tỷ giá áp dụng khi ghi nhận và đánh giá lại tài sản là tỷ giá mua ngoại tệ;
- Tỷ giá áp dụng khi ghi nhận và đánh giá lại nợ phải trả là tỷ giá bán ngoại tệ;
- Các loại tỷ giá áp dụng trong giao dịch khác là tỷ giá mua ngoại tệ/ tỷ giá bán ngoại tệ.

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ. Số dư các khoản mục tiền, nợ phải thu, nợ phải trả có gốc ngoại tệ, ngoại trừ số dư các khoản trả trước cho người bán bằng ngoại tệ, số dư chi phí trả trước bằng ngoại tệ và số dư doanh thu nhận trước bằng ngoại tệ, được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày lập bảng cân đối kế toán hợp nhất. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ sau khi bù trừ tăng giảm được hạch toán vào kết quả kinh doanh hợp nhất trong kỳ.

#### 3.2. Các ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định có ảnh hưởng đến các số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 cũng như các khoản doanh thu, chi phí cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

### BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

#### 3.3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

Các khoản tương đương tiền được xác định phù hợp với Chuẩn mực kế toán số 24 – Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

#### 3.4. Nợ phải thu

##### Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu của khách hàng và các khoản phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

##### Nguyên tắc dự phòng nợ phải thu khó đòi

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất, dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng có khả năng không thu hồi được đúng hạn với mức trích lập phù hợp với mức quy định tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08 tháng 08 năm 2019 của Bộ Tài chính để bảo đảm phản ánh giá trị các khoản nợ phải thu không cao hơn giá trị có thể thu hồi được.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

#### 3.5. Hàng tồn kho

##### Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí khác để mang hàng tồn kho đến đúng điều kiện và địa điểm hiện tại của chúng. Trong trường hợp các sản phẩm được sản xuất, giá gốc bao gồm tất cả các chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung dựa trên tình hình hoạt động bình thường.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

##### Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

### BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

#### 3.5. Hàng tồn kho (tiếp theo)

##### Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất, dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho hàng tồn kho bị hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời, chậm luân chuyển và hàng tồn kho có giá gốc ghi trên sổ kế toán cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được với mức trích lập theo hướng dẫn tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08 tháng 08 năm 2019 của Bộ Tài chính để bảo đảm phản ánh giá trị hàng tồn kho không cao hơn giá thị trường.

Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt.

#### 3.6. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

##### Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Trường hợp mua tài sản cố định được kèm thêm thiết bị, phụ tùng thay thế thì xác định và ghi nhận riêng biệt, phụ tùng thay thế theo giá trị hợp lý và được trừ (-) khỏi nguyên giá tài sản cố định hữu hình.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp khác và thuế trước bạ (nếu có).

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh và chi phí lắp đặt, chạy thử trừ đi giá trị sản phẩm thu hồi trong quá trình chạy thử, sản xuất thử.

##### Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

##### Năm 2019

• Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 15 năm
• Máy móc thiết bị	03 - 20 năm
• Phương tiện vận tải truyền dẫn	06 - 10 năm
• Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 06 năm

#### 3.7. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

##### Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**3.7. Tài sản cố định vô hình (tiếp theo)**

**Nguyên tắc kế toán các tài sản cố định vô hình**

**Phần mềm máy vi tính**

Phần mềm kế toán không phải là cấu phần không thể thiếu của phần cứng thì được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và được khấu hao theo thời gian sử dụng hữu ích.

**3.8. Thuê tài sản**

**Phân loại thuê tài sản**

Thuê tài chính là thuê tài sản mà bên cho thuê có sự chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản cho bên thuê. Tất cả các khoản thuê khác được phân loại là thuê hoạt động.

**Thuê hoạt động**

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản.

**3.9. Chi phí xây dựng dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan được hạch toán phù hợp với chính sách kế toán của Tập đoàn. Việc trích khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**3.10. Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và chủ yếu là chi phí liên quan đến giá vốn công cụ, dụng cụ. Các khoản này được phân bổ trong thời gian trả trước của chi phí hoặc trong khoảng thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

**3.11. Nợ phải trả**

Nợ phải trả được phân loại là phải trả người bán và phải trả khác theo nguyên tắc: Phải trả người bán là khoản phải trả có tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua. Các khoản phải trả còn lại được phân loại là phải trả khác.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tắc và theo từng đối tượng.

Nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

**3.12. Chi phí phải trả**

Các khoản chi phí phải trả được ghi nhận cho giá trị phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**3.13. Dự phòng phải trả**

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tập đoàn có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Dự phòng không được ghi nhận cho các khoản lỗ hoạt động trong tương lai.

Dự phòng được tính trên cơ sở các khoản chi phí dự tính phải thanh toán nghĩa vụ nợ. Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì dự phòng được tính trên cơ sở giá trị hiện tại với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Giá trị tăng lên do ảnh hưởng của yếu tố thời gian được ghi nhận là chi phí đi vay.

**3.14. Nguồn vốn chủ sở hữu**

**Vốn góp của chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

**Cổ tức**

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả trong năm vào ngày công bố cổ tức.

**Quỹ dự trữ**

Các quỹ dự trữ từ lợi nhuận sau thuế được trích lập theo quy định trong Điều lệ của các công ty trong Tập đoàn.

**Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ và các quy định của pháp luật Việt Nam.

**3.15. Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán hợp nhất của kỳ đó.

**3.16. Giá vốn cung cấp dịch vụ**

Giá vốn cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của dịch vụ bán ra trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

**3.17. Chi phí tài chính**

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí phát sinh trong kỳ chủ yếu bao gồm chi phí đi vay vốn, lãi chiết khấu và lỗ chuyển nhượng khoản đầu tư.

**3.18. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp.

### BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

thuế môn bài; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng).

#### 3.19. Thuế

##### *Thuế thu nhập doanh nghiệp*

*Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành*

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành như sau:

- Thuế suất 10% đối với hoạt động được hưởng ưu đãi;
- Thuế suất 20% đối với hoạt động không ưu đãi.

*Chi phí thuế TNDN hoãn lại*

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất (và các luật thuế) có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả của một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty con, chi nhánh, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi có khả năng kiểm soát thời gian hoãn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoãn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (lỗ tính thuế) tại thời điểm giao dịch.
- Tài sản thuế hoãn lại cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, chi nhánh, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh chỉ được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoãn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi giảm đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận là thu nhập hay chi phí để tính lãi, lỗ của kỳ phát sinh, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh từ một giao dịch hoặc sự kiện được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu trong cùng kỳ hay một kỳ khác.

### BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

#### 3.21. Thuế (tiếp theo)

Công ty chỉ được bù trừ tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hoãn lại hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại với thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

*Ưu đãi, miễn giảm thuế*

Đối với hoạt động thu gom và xử lý chất thải, nước thải, theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4703000382 ngày 15 tháng 5 năm 2007 và các giấy phép thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất số 3600890938 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp ngày 05 tháng 05 năm 2017, Tập đoàn được hưởng ưu đãi như sau:

- Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ưu đãi trong 15 năm, kể từ năm 2007 là 10%;
- Miễn 4 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế (năm 2007) và giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo.

*Thuế giá trị gia tăng*

Thuế giá trị gia tăng của các hàng hóa và dịch vụ do Tập đoàn cung cấp được tính theo các mức thuế 10%.

*Các loại thuế khác*

Áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của các công ty trong Tập đoàn sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế đối với báo cáo thuế của các công ty trong Tập đoàn.

#### 3.20. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hợp nhất sau thuế của Tập đoàn sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ, không bao gồm số cổ phiếu được Tập đoàn mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

#### 3.21. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Tập đoàn sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ và tổng số cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm, không bao gồm số cổ phiếu được Tập đoàn mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

#### 3.22. Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tập đoàn tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác biệt với các bộ phận kinh doanh khác hoặc khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**3.23. Các bên liên quan**

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Tập đoàn hoặc chịu sự kiểm soát của Tập đoàn, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Tập đoàn. Công ty liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Tập đoàn dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể đối với Tập đoàn, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm các giám đốc, các cán bộ điều hành của Tập đoàn, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan.

**4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

**4.1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Tại ngày 31/12/2019 VND	Tại ngày 01/01/2019 VND
Tiền mặt	5.580.572	20.314.363
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	22.822.409.336	13.629.994.667
Các khoản tương đương tiền	9.100.000.000	2.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>31.927.989.908</b>	<b>15.650.309.030</b>

Các khoản tương đương tiền là các khoản tiền gửi có kỳ hạn 1 tháng tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển TP. Hồ Chí Minh và Ngân hàng TMCP Đầu tư & Phát triển – Chi nhánh Nam Đồng Nai với lãi suất từ 5,3%/năm đến 6,5%/năm.

**4.2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	Tại ngày 31/12/2019 VND	Tại ngày 01/01/2019 VND
Phải thu khách hàng là các bên liên quan – Xem thêm mục 8	1.968.101.120	1.838.300.494
Phải thu từ khách hàng:		
Phòng Quản Lý Đô Thị TP. Biên Hòa	6.034.314.176	4.296.458.145
Phòng Tài nguyên Môi trường Thị xã Long Thành	5.952.637.805	-
Phòng Tài nguyên Môi trường Huyện Thống Nhất	4.461.305.068	3.010.078.081
Phòng Tài nguyên Môi trường Huyện Vĩnh Cửu	3.138.438.512	8.528.744.454
Phòng Tài nguyên Môi trường Huyện Tân Phú	640.752.005	459.906.920
Doanh nghiệp tư nhân Duy Khương	288.410.650	182.994.900
Công ty TNHH Formosa Taffeta Đồng Nai	130.816.472	1.625.201.216
Phòng Tài nguyên Môi trường Thị xã Long Khánh	98.714.000	9.153.876.301
Các khách hàng khác	23.934.686.591	23.408.128.886
<b>Cộng</b>	<b>46.648.176.399</b>	<b>52.503.687.397</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**4.3. Phải thu khác**

	Tại ngày 31/12/2019 VND		Tại ngày 01/01/2019 VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn:				
Phải thu từ Quỹ công tác xã hội - Cộng đồng của Công ty Cổ phần Dịch vụ Sonadezi	3.500.000.000	-	3.225.727.940	-
Phải thu người lao động	20.000.000	-	80.000.000	-
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	27.829.431	-	400.183.465	-
Phải thu khác	158.147.044	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>3.705.976.475</b>	<b>-</b>	<b>3.705.911.405</b>	<b>-</b>
Dài hạn:				
Ký cược, ký quỹ cho bên có liên quan – Xem thêm mục 8	267.252.300	-	267.252.300	-

**4.4. Hàng tồn kho**

	Tại ngày 31/12/2019 VND		Tại ngày 01/01/2019 VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	3.298.704.120	-	2.533.098.693	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	-	-	9.038.397.379	-
<b>Cộng</b>	<b>3.298.704.120</b>	<b>-</b>	<b>11.571.496.072</b>	<b>-</b>

(Xem trang tiếp theo)

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**4.5. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tài sản cố định hữu hình khác VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá:						
Tại ngày 01/01/2019	157.015.083.374	93.489.091.484	7.315.819.092	1.464.230.141	1.264.263.701	260.548.487.792
Mua trong năm	605.013.897	6.171.475.900	361.870.000	-	-	7.138.359.797
Đầu tư XDCB hoàn thành	16.381.576.506	15.720.151.317	625.383.859	-	-	32.727.111.682
<b>Tại ngày 31/12/2019</b>	<b>174.001.673.777</b>	<b>115.380.718.701</b>	<b>8.303.072.951</b>	<b>1.464.230.141</b>	<b>1.264.263.701</b>	<b>300.413.959.271</b>
Giá trị hao mòn lũy kế:						
Tại ngày 01/01/2019	24.741.605.927	26.290.102.041	4.668.201.605	1.392.680.141	933.448.229	58.026.037.943
Khấu hao trong năm	13.245.931.535	11.255.741.380	402.202.127	15.900.000	101.182.980	25.020.958.022
<b>Tại ngày 31/12/2019</b>	<b>37.987.537.462</b>	<b>37.545.843.421</b>	<b>5.070.403.732</b>	<b>1.408.580.141</b>	<b>1.034.631.209</b>	<b>83.046.995.965</b>
Giá trị còn lại:						
Tại ngày 01/01/2019	132.273.477.447	67.198.989.443	2.647.617.487	71.550.000	330.815.472	202.522.449.849
<b>Tại ngày 31/12/2019</b>	<b>136.014.136.315</b>	<b>77.834.875.280</b>	<b>3.232.669.219</b>	<b>55.650.000</b>	<b>229.632.492</b>	<b>217.366.963.306</b>

Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng thể chấp, cầm cố, đảm bảo cho các khoản vay là trạm tái chế chất thải làm phân Compost, Hạng mục xử lý chôn lấp hợp vệ sinh (GD 1), Nhà xưởng lò đốt chất thải công nghiệp công suất 1 tấn/giờ, Trạm xử lý hóa rắn công suất 20 tấn/ngày, Trạm xử lý hóa lý chất thải lỏng công suất 20 tấn/ngày, Hạng mục chôn lấp an toàn (GD 1) – Xem thêm mục 4.15.

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 15.473.077.976 VND

21

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**4.6. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn**

	Tại ngày 31/12/2019 VND		Tại ngày 01/01/2019 VND	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Bãi chôn lấp chất thải sinh hoạt	15.136.477.548	15.136.477.548	7.134.947.932	7.134.947.932
Bãi chôn lấp chất thải an toàn	-	-	1.856.506.874	1.856.506.874
<b>Cộng</b>	<b>15.136.477.548</b>	<b>15.136.477.548</b>	<b>8.991.454.806</b>	<b>8.991.454.806</b>

Chi phí sản xuất, kinh doanh dài hạn không hoàn thành trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường là do quy trình xử lý chất thải tại các bãi chôn lấp chất thải kéo dài nhiều năm.

**4.7. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	Tại ngày 31/12/2019 VND	Tại ngày 01/01/2019 VND
Công trình khu Xử lý chất thải Quang Trung Dự án Quang Trung – Lô C, D Các dự án khác	47.055.095.056 40.478.610.056 -	27.205.508.259 40.478.610.058 105.271.425
<b>Cộng</b>	<b>87.543.705.114</b>	<b>67.789.389.742</b>

**4.8. Chi phí trả trước dài hạn**

	Tại ngày 31/12/2019 VND	Tại ngày 01/01/2019 VND
Chi phí trả, phá bơm mìn khu Quang Trung Công cụ, dụng cụ	1.797.544.655 6.779.549.760	1.839.436.582 3.386.858.825
<b>Cộng</b>	<b>8.577.094.415</b>	<b>5.226.295.408</b>

(Xem trang tiếp theo)

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**4.9. Phải trả người bán ngắn hạn**

	Tại ngày 31/12/2019 VND		Tại ngày 01/01/2019 VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Phải trả cho các bên liên quan – Xem thêm mục 8	1.030.357.943	1.030.357.943	1.605.369.728	1.605.369.728
Phải trả cho người bán:				
DNTN Duy Khương Công ty Cổ phần Công nghệ Hợp Lực	22.091.922.255	22.091.922.255	30.965.225.464	30.965.225.464
Công ty TNHH Hóa chất và Môi trường Vũ Hoàng	17.637.639.313	17.637.639.313	3.428.040.306	3.428.040.306
Công ty TNHH Thương mại & Dịch vụ Minh Đức Thịnh	6.792.931.200	6.792.931.200	8.155.685.050	8.155.685.050
Công ty TNHH Xây dựng Dịch vụ Tân Việt	4.657.809.200	4.657.809.200	5.455.787.650	5.455.787.650
Công ty Cổ phần Môi trường Quốc Đại Thành	1.713.360.447	1.713.360.447	-	-
Phải trả cho các đối tượng khác	1.449.932.330	1.449.932.330	2.264.473.416	2.264.473.416
	8.966.291.454	8.966.291.454	6.335.326.534	6.335.326.534
<b>Cộng</b>	<b>64.340.244.142</b>	<b>64.340.244.142</b>	<b>58.209.908.148</b>	<b>58.209.908.148</b>

**4.10. Người mua trả tiền trước**

	Tại ngày 31/12/2019 VND	Tại ngày 01/01/2019 VND
Người mua trả tiền trước là các bên liên quan – xem thêm mục 8	17.793.000.000	14.761.000.000
Người mua trả tiền trước:		
Công ty TNHH MTV Thanh Sinh	13.314.172.000	7.314.172.000
Công ty TNHH Sản Xuất Đại Ngân Sơn	4.067.812.152	4.067.812.152
Công ty TNHH MTV Sản xuất và Dịch vụ Tài Sang	2.587.328.419	2.587.328.419
Các khách hàng khác	2.679.036.822	2.440.597.905
<b>Cộng</b>	<b>40.441.349.393</b>	<b>31.170.910.476</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ SONADEZI VÀ CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà Sonadezi, Số 01, Đường 1, Khu công nghiệp Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**4.11. Thuế và các khoản phải thu/phải nộp Nhà nước**

	Tại ngày 01/01/2019 VND		Trong năm VND		Tại ngày 31/12/2019 VND	
	Phải thu	Phải nộp	Phải nộp	Đã nộp/Được khấu trừ	Phải thu	Phải nộp
Thuế giá trị gia tăng	-	962.851.924	38.918.098.867	38.434.715.739	-	1.446.235.052
Thuế xuất, nhập khẩu	7.067.764	-	-	-	7.067.764	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	191.879.998	1.593.996.329	2.274.818.753	544.709.463	55.767.037
Thuế thu nhập cá nhân	-	114.849.334	1.015.198.426	985.839.194	-	144.208.566
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	57.608.547	98.075.795	98.075.795	-	57.608.547
<b>Cộng</b>	<b>7.067.764</b>	<b>1.327.189.803</b>	<b>41.625.369.417</b>	<b>41.793.449.481</b>	<b>551.777.227</b>	<b>1.703.819.202</b>

(Xem trang tiếp theo)

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**4.12. Phải trả người lao động**

Là phần còn lại của quỹ lương năm 2019 chưa chi hết

**4.13. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	Tại ngày 31/12/2019 VND	Tại ngày 01/01/2019 VND
--	-------------------------------	-------------------------------

Lãi vay  
Giá vốn ước tính của lô đất C4 bán cho Công ty TNHH  
Quốc Đại Thành  
Các khoản trích trước khác

Lãi vay	3.925.185.000	4.714.378.000
Giá vốn ước tính của lô đất C4 bán cho Công ty TNHH Quốc Đại Thành	3.371.536.701	3.371.536.701
Các khoản trích trước khác	445.980.231	308.190.000

**Cộng**

<b>Cộng</b>	<b>7.742.701.932</b>	<b>8.394.104.701</b>
-------------	----------------------	----------------------

**4.14. Phải trả khác ngắn hạn**

	Tại ngày 31/12/2019 VND	Tại ngày 01/01/2019 VND
--	-------------------------------	-------------------------------

Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn  
Phải trả về tiền nhận trước về chuyển nhượng quyền sử  
dụng đất lô C, D  
Các khoản phải trả, phải nộp khác

Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn	56.296.800	396.095.234
Phải trả về tiền nhận trước về chuyển nhượng quyền sử dụng đất lô C, D	2.994.445.600	2.994.445.600
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.040.267.694	785.375.743

**Cộng**

<b>Cộng</b>	<b>4.091.010.094</b>	<b>4.175.916.577</b>
-------------	----------------------	----------------------

(Xem trang tiếp theo)

1101 2019 10

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ SONADEZI VÀ CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà Sonadezi, Số 01, Đường 1, Khu công nghiệp Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**4.15. Vay và nợ thuê tài chính**

Các khoản vay được chi tiết như sau:

	Tại ngày 01/01/2019 VND		Trong kỳ VND		Tại ngày 31/12/2019 VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>Ngắn hạn:</b>						
Vay dài hạn đến hạn trả	25.323.200.000	25.323.200.000	28.413.200.000	25.323.200.000	28.413.200.000	28.413.200.000
<b>Dài hạn:</b>						
Quý Bảo vệ Môi trường Tỉnh Đồng Nai	16.734.700.000	16.734.700.000	15.043.700.000	7.324.200.000	24.454.200.000	24.454.200.000
Quý Đầu tư Phát triển Tỉnh Đồng Nai	153.088.984.163	153.088.984.163	17.000.000.000	18.674.000.000	151.414.984.163	151.414.984.163
Vay ngân hàng	10.314.000.000	10.314.000.000	-	10.314.000.000	-	-
Trừ nợ dài hạn đến hạn trả	(25.323.200.000)	(25.323.200.000)	(28.413.200.000)	(25.323.200.000)	(28.413.200.000)	(28.413.200.000)
<b>Cộng</b>	<b>154.814.484.163</b>	<b>154.814.484.163</b>	<b>3.630.500.000</b>	<b>10.989.000.000</b>	<b>147.455.984.163</b>	<b>147.455.984.163</b>
<b>Tổng cộng</b>	<b>180.137.684.163</b>	<b>180.137.684.163</b>	<b>32.043.700.000</b>	<b>36.312.200.000</b>	<b>175.869.184.163</b>	<b>175.869.184.163</b>

Khoản vay dài hạn bằng VND từ Quý Bảo vệ Môi trường Tỉnh Đồng Nai có lãi suất từ 4,28% - 5,25%/năm được thế chấp bằng:

- Quyền sử dụng đất có diện tích 150.860,4 m<sup>2</sup>, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo Hợp đồng thế chấp số 18/2017/HĐSDBS-QBVMT ngày 31 tháng 08 năm 2017;
- Quyền sử dụng đất có diện tích 190.261,3 m<sup>2</sup>, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo Hợp đồng thế chấp số 04/2018/HĐSDBS-QBVMT ngày 18 tháng 05 năm 2018;

Khoản vay dài hạn bằng VND từ Quý Đầu tư Phát triển Tỉnh Đồng Nai có lãi suất từ 7% - 8%/năm được thế chấp bằng Tài sản thuộc dự án đầu tư xây dựng khu xử lý chất thải Quang Trung theo Hợp đồng thế chấp số 35/HĐTC-TD ngày 28 tháng 09 năm 2015 – Xem thêm mục 4.5.

1101 2019 10

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**4.16. Vốn chủ sở hữu**

**4.16.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu			Cộng VND
	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Quý đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	
Tại ngày 01/01/2018	50.000.000.000	24.571.204.742	19.853.900.429	94.425.105.171
Lãi trong năm trước	-	-	17.170.960.892	17.170.960.892
Trích lập quỹ thuộc nguồn vốn	-	1.900.407.542	(1.900.407.542)	-
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(2.287.033.851)	(2.287.033.851)
Trích lập quỹ quan hệ xã hội - cộng đồng	-	-	(1.091.504.465)	(1.091.504.465)
Chia cổ tức	-	-	(7.500.000.000)	(7.500.000.000)
Tại ngày 01/01/2019	50.000.000.000	26.471.612.284	24.245.915.463	100.717.527.747
Lãi trong năm nay	-	3.333.833.673	21.312.552.276	21.312.552.276
Trích lập quỹ thuộc nguồn vốn	-	-	(3.333.833.673)	-
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(1.836.511.119)	(1.836.511.119)
Trích lập quỹ quan hệ xã hội - cộng đồng	-	-	(1.094.011.119)	(1.094.011.119)
Chia cổ tức	-	-	(7.500.000.000)	(7.500.000.000)
Tăng khác	-	-	6.259.887	6.259.887
<b>Tại ngày 31/12/2019</b>	<b>50.000.000.000</b>	<b>29.805.445.957</b>	<b>31.800.371.715</b>	<b>111.605.817.672</b>

(Xem trang tiếp theo)

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**4.16.2. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	Tại ngày 31/12/2019 VND	Tại ngày 01/01/2019 VND
Tổng Công ty Cổ phần Phát Triển Khu Công Nghiệp	10.000.000.000	10.000.000.000
Vốn góp của các đối tượng khác	40.000.000.000	40.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>50.000.000.000</b>	<b>50.000.000.000</b>

**4.16.3. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu**

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	7.500.000.000	7.500.000.000

**4.16.4. Cổ phiếu**

	Tại ngày 31/12/2019	Tại ngày 01/01/2019
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	5.000.000	5.000.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã bán ra công chúng	5.000.000	5.000.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	5.000.000	5.000.000

Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phần.

**4.16.5. Lãi cơ bản trên cổ phiếu và lãi suy giảm trên cổ phiếu**

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Lãi sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	21.312.552.276	17.170.960.892
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	(4.262.510.455)	(2.930.522.238)
Lãi sau thuế để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu	17.050.041.821	14.240.438.654
Số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong năm	5.000.000	5.000.000
<b>Lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b>3.410</b>	<b>2.848</b>

Quỹ khen thưởng phúc lợi được trích dựa vào tỷ lệ phân bổ lợi nhuận sau thuế năm 2019 theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông vào ngày 18 tháng 04 năm 2019.

(Xem trang tiếp theo)

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

**5.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Doanh thu xử lý nước thải công nghiệp và xử lý chất thải	358.553.909.890	261.643.871.238
Doanh thu hoạt động khác	46.492.455.782	45.163.696.371
<b>Cộng</b>	<b>405.046.365.672</b>	<b>306.807.567.609</b>
Trong đó, doanh thu cho các bên liên quan – Xem thêm mục 8	68.318.798.883	70.497.711.448

**5.2. Giá vốn hàng bán**

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Giá vốn xử lý nước thải công nghiệp và xử lý chất thải	308.623.031.837	223.318.302.161
Giá vốn hoạt động khác	39.454.230.801	36.570.847.784
<b>Cộng</b>	<b>348.077.262.638</b>	<b>259.889.149.945</b>

**5.3. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	304.666.995	100.260.028
Cổ tức, lợi nhuận được chia	1.045.577.000	2.975.342.169
<b>Cộng</b>	<b>1.350.243.995</b>	<b>3.075.602.197</b>

**5.4. Chi phí tài chính**

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Lãi tiền vay	12.016.854.011	11.836.594.399
Lỗ do thanh lý một phần khoản đầu tư liên kết	1.397.293.000	-
Chiết khấu thanh toán	1.023.375.000	646.993.640
Chi phí tài chính khác	70.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>14.507.522.011</b>	<b>12.483.588.039</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**5.5. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Chi phí nhân viên	9.783.601.777	9.582.303.094
Chi phí khấu hao tài sản cố định	273.498.752	502.468.531
Chi phí phân bổ công cụ, dụng cụ	220.174.277	210.154.201
Thuế, phí và lệ phí	84.986.890	236.745.029
Chi phí thuê văn phòng	1.808.977.570	1.782.215.870
Chi phí dịch vụ mua ngoài khác	3.735.488.339	1.395.437.380
Chi phí đào tạo, tài liệu chuyên môn	633.271.371	266.825.652
Chi phí bằng tiền khác	4.414.741.274	4.879.744.022
<b>Cộng</b>	<b>20.954.740.250</b>	<b>18.855.893.779</b>

**5.6. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	71.439.998.960	57.565.181.592
Chi phí nhân công	61.027.585.378	58.156.143.033
Chi phí khấu hao tài sản cố định	25.044.674.691	15.526.454.359
Chi phí dịch vụ mua ngoài	17.728.956.868	15.020.421.452
Chi phí khác bằng tiền	174.485.845.517	139.884.530.421
<b>Cộng</b>	<b>349.727.061.414</b>	<b>286.152.730.857</b>

**5.7. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	1.593.996.329	2.105.521.640
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	-	367.965.287
<b>Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>1.593.996.329</b>	<b>2.473.486.926</b>

(Xem trang tiếp theo)

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**5.7. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (tiếp theo)**

Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành được xác định như sau:

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	22.906.548.605	19.644.447.818
Điều chỉnh các khoản tăng (giảm) lợi nhuận		
<i>Thù lao của Hội đồng quản trị không trực tiếp điều hành</i>	504.000.000	412.500.000
<i>Chi phí lãi vay</i>	-	2.788.865.320
<i>Chi phí dự phòng lương</i>	171.179.743	-
<i>Chi phí không có hóa đơn, chứng từ hợp lệ</i>	50.000.000	-
<i>Cổ tức và lợi nhuận được chia</i>	(1.045.577.000)	(2.975.342.169)
<b>Thu nhập tính thuế từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>22.586.151.348</b>	<b>19.870.470.969</b>
<b>Thu nhập tính thuế ước tính trong năm</b>	<b>22.586.151.348</b>	<b>19.870.470.969</b>
Thu nhập chịu thuế suất 5%	19.488.226.268	12.457.150.362
Thu nhập chịu thuế suất 20%	3.097.925.080	7.413.320.607
<b>Thuế TNDN ước tính trong năm</b>	<b>1.593.996.329</b>	<b>2.105.521.640</b>
Thuế TNDN của phần thu nhập chịu thuế 5%	974.411.313	622.857.518
Thuế TNDN của phần thu nhập chịu thuế 20%	619.585.016	1.482.664.121
<b>Chi phí thuế TNDN năm hiện hành tính trên thu nhập chịu thuế</b>	<b>1.593.996.329</b>	<b>2.105.521.640</b>

**6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

**6.1. Số tiền đi vay thực thu trong năm**

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	32.043.700.000	36.250.000.000

**6.2. Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm**

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	(36.312.200.000)	(18.503.492.393)

**7. BÁO CÁO BỘ PHẬN**

Nhằm phục vụ mục đích quản lý, Tập đoàn có quy mô hoạt động trên toàn quốc phân chia hoạt động của mình thành các bộ phận chính yếu theo lĩnh vực sản xuất kinh doanh như sau:

- Dịch vụ xử lý chất thải, nước thải công nghiệp;
- Dịch vụ bảo vệ;
- Hoạt động khác.

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ SONADEZI VÀ CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà Sonadezi, Số 01, Đường 1, Khu công nghiệp Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**7. BÁO CÁO BỘ PHẬN (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: Nghìn đồng	Dịch vụ xử lý chất thải, nước thải		Dịch vụ bảo vệ		Hoạt động khác		Loạt trừ		Tổng cộng	
	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Doanh thu	358.553.910	261.643.871	24.692.090	22.958.510	24.403.766	24.366.186	(2.603.400)	(2.161.000)	405.046.366	306.807.568
Từ khách hàng bên ngoài	49.930.878	38.325.569	3.288.849	2.047.492	3.749.376	6.545.356	-	-	56.989.103	46.918.418
Giữa các bộ phận	308.623.032	223.318.302	21.403.241	20.911.018	20.654.390	17.819.830	(2.603.400)	(2.161.000)	348.057.263	259.889.150
<b>Cộng</b>	<b>358.553.910</b>	<b>261.643.871</b>	<b>24.692.090</b>	<b>22.958.510</b>	<b>24.403.766</b>	<b>24.366.186</b>	<b>(2.603.400)</b>	<b>(2.161.000)</b>	<b>405.046.366</b>	<b>306.807.568</b>
Kết quả của bộ phận Thu nhập Không phân bổ									694.661	1.193.845
Chi phí không phân bổ									(21.599.937)	(19.059.829)
Lợi nhuận trước thuế, thu nhập tài chính và chi phí tài chính									36.063.827	29.052.434
Thu nhập tài chính									1.350.244	3.075.602
Chi phí tài chính									(14.507.522)	(12.483.588)
Lợi nhuận trước thuế									22.906.549	19.644.448
Thuế thu nhập doanh nghiệp									(1.593.996)	(2.473.487)
<b>Lợi nhuận sau thuế</b>									<b>21.312.552</b>	<b>17.170.961</b>

(Xem trang tiếp theo)

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**7. BÁO CÁO BỘ PHẬN (TIẾP THEO)**

Đơn vị tính: Ngân đồng	Dịch vụ xử lý chất thải nước thải		Dịch vụ bảo vệ		Hoạt động khác		Tổng cộng	
	Tại ngày 31/12/2019	Tại ngày 01/01/2019	Tại ngày 31/12/2019	Tại ngày 01/01/2019	Tại ngày 31/12/2019	Tại ngày 01/01/2019	Tại ngày 31/12/2019	Tại ngày 01/01/2019
Các thông tin khác	413.232.409	390.349.130	3.483.243	3.879.740	-	-	416.715.651	394.228.870
Tài sản của bộ phận	303.453.634	290.763.677	1.656.200	2.747.665	-	-	416.715.651	394.228.870
Tài sản không phân bổ	-	-	-	-	-	-	305.109.834	293.511.342
<b>Tổng tài sản</b>							<b>416.715.651</b>	<b>394.228.870</b>
Nợ phải trả của bộ phận	-	-	-	-	-	-	-	-
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-	-	-	-	-
<b>Tổng nợ phải trả</b>							<b>305.109.834</b>	<b>293.511.342</b>

Đơn vị tính: Ngân đồng	Dịch vụ xử lý chất thải nước thải		Dịch vụ bảo vệ		Hoạt động khác		Tổng cộng	
	Năm 2019	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2018
Chi phí mua sắm tài sản	-	-	-	-	-	-	63.879.843	36.318.556
Chi phí khấu hao	-	-	-	-	-	-	25.044.675	15.526.454

Tập đoàn không có báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý vì hoạt động của Tập đoàn hoàn toàn tại Đồng Nai, do đó không có sự khác nhau về rủi ro và lợi ích kinh tế theo khu vực địa lý cần thiết phải thuyết minh.

(Xem trang tiếp theo)

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**8. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN**

**Danh sách các bên liên quan**

**Mối quan hệ**

- Tổng Công ty Cổ phần Phát triển Khu công nghiệp: Nhà đầu tư có ảnh hưởng đáng kể chiếm 20% vốn điều lệ
- Công ty Cổ phần Sonadezi Long Thành: Công ty con của Tổng Công ty Cổ phần Phát triển Khu công nghiệp
- Công ty Cổ phần Sonadezi Long Bình: Công ty con của Tổng Công ty Cổ phần Phát triển Khu công nghiệp
- Công ty Cổ phần Sonadezi An Bình: Công ty con của Tổng Công ty Cổ phần Phát triển Khu công nghiệp
- Công ty Cổ phần Sonadezi Châu Đức: Công ty con của Tổng Công ty Cổ phần Phát triển Khu công nghiệp
- Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Công nghiệp Số 2: Công ty con của Tổng Công ty Cổ phần Phát triển Khu công nghiệp
- Công ty Cổ phần Môi trường Sonadezi: Công ty con của Tổng Công ty Cổ phần Phát triển Khu công nghiệp
- Công ty Cổ phần Sonadezi Giang Điền: Công ty con của Tổng Công ty Cổ phần Phát triển Khu công nghiệp
- Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai: Công ty con của Tổng Công ty Cổ phần Phát triển Khu công nghiệp
- Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai: Công ty con của Tổng Công ty Cổ phần Phát triển Khu công nghiệp
- Trường Cao đẳng Công nghệ và Quản trị Sonadezi: Công ty liên kết của Tổng Công ty Cổ phần Phát triển Khu công nghiệp
- Công ty Cổ phần Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp số 1: Công ty liên kết của Tổng Công ty Cổ phần Phát triển Khu công nghiệp
- Công ty Cổ phần Sơn Đồng Nai: Công ty liên kết của Tổng Công ty Cổ phần Phát triển Khu công nghiệp
- Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc: Nhân sự quản lý chủ chốt

Giao dịch nội bộ giữa các công ty trong Tập đoàn đã được loại trừ toàn bộ trong quá trình hợp nhất.

Tại ngày lập bảng cân đối kế toán hợp nhất, số dư phải thu/phải trả với các bên liên quan như sau:

Phải thu khách hàng:	Tại ngày 31/12/2019	Tại ngày 01/01/2019
	VND	VND
Công ty Cổ phần Sonadezi Châu Đức	529.121.580	115.697.560
Công ty Cổ phần Sonadezi Long Bình	523.742.410	922.425.422
Tổng Công ty Cổ phần Phát triển Khu công nghiệp	309.069.530	274.578.620
Công ty Cổ phần Sonadezi An Bình	249.022.120	149.988.790
Công ty Cổ phần Sonadezi Giang Điền	146.040.080	154.481.502
Công ty Cổ phần Sonadezi Long Thành	140.783.500	198.262.000
Công ty Cổ phần Kinh doanh Nhà Đồng Nai	31.240.000	-
Công ty Cổ phần Môi trường Sonadezi	15.111.800	-
Công ty Cổ phần Sơn Đồng Nai	12.970.100	9.466.600
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Công nghiệp Số 2	11.000.000	-
Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai	-	15.400.000
<b>Cộng - Xem thêm mục 4.2</b>	<b>1.968.101.120</b>	<b>1.838.300.494</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**8. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)**

	Tại ngày 31/12/2019 VND	Tại ngày 01/01/2019 VND
Phải thu dài hạn khác – Xem thêm mục 4.3.		
Tổng Công ty Cổ phần Phát triển Khu công nghiệp	267.252.300	267.252.300
	Tại ngày 31/12/2019 VND	Tại ngày 01/01/2019 VND
Phải trả người bán:		
Công ty Cổ phần Sonadezi Giang Điền	(975.022.984)	(129.842.656)
Công ty Cổ phần Sonadezi An Bình	(46.444.609)	(285.034.147)
Công ty Cổ phần Sonadezi Long Bình	(8.890.350)	(9.744.525)
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Công nghiệp Số 2	-	(1.100.000.000)
Tổng Công ty Cổ phần Phát triển Khu công nghiệp	-	(52.500.000)
Công ty Cổ phần Sonadezi Long Thành	-	(27.434.400)
Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Sonadezi	-	(814.000)
<b>Cộng – Xem thêm mục 4.9</b>	<b>(1.030.357.943)</b>	<b>(1.605.369.728)</b>
	Tại ngày 31/12/2019 VND	Tại ngày 01/01/2019 VND
Người mua trả tiền trước:		
Công ty Cổ phần Sonadezi Long Thành	(17.500.000.000)	(14.700.000.000)
Công ty Cổ phần Sonadezi Giang Điền	(293.000.000)	(61.000.000)
<b>Cộng – Xem thêm mục 4.10</b>	<b>(17.793.000.000)</b>	<b>(14.761.000.000)</b>

(Xem trang tiếp theo)

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**8. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)**

Trong kỳ, Tập đoàn đã có giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Cung cấp dịch vụ:		
Công ty Cổ phần Sonadezi Long Thành	47.307.311.644	49.069.001.349
Công ty Cổ phần Sonadezi Giang Điền	8.229.239.851	7.840.669.481
Công ty Cổ phần Sonadezi Long Bình	7.632.613.092	7.946.361.731
Công ty Cổ phần Sonadezi Châu Đức	1.970.086.030	1.932.999.100
Công ty Cổ phần Sonadezi An Bình	1.363.416.640	1.606.146.876
Tổng Công ty Cổ phần Phát triển Khu công nghiệp	1.495.720.984	1.328.098.749
Công ty Cổ phần Kinh doanh Nhà Đồng Nai	134.900.000	-
Công ty Cổ phần Môi trường Sonadezi	92.755.091	-
Công ty Cổ phần Sơn Đồng Nai	57.755.551	54.718.162
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Công nghiệp Số 2	20.000.000	705.716.000
Trường Cao đẳng Công nghệ và Quản trị Sonadezi	12.000.000	-
Công ty Cổ phần Xây dựng Dân dụng Công nghiệp số 1 Đồng Nai	3.000.000	-
Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai	-	14.000.000
<b>Cộng – Xem thêm mục 5.1</b>	<b>68.318.798.883</b>	<b>70.497.711.448</b>
	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Nhận cung cấp dịch vụ:		
Công ty Cổ phần Sonadezi Long Bình	5.713.465.320	4.680.783.500
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Công nghiệp Số 2	5.275.000.000	3.625.000.000
Công ty Cổ phần Sonadezi Giang Điền	3.538.783.719	2.018.362.313
Công ty Cổ phần Sonadezi An Bình	844.447.428	38.813.802
Công ty Cổ phần Sonadezi Long Thành	333.108.636	330.800.319
Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai	21.769.500	-
Công ty Cổ phần Môi trường Sonadezi	12.970.000	-
Trường Cao đẳng Công nghệ và Quản trị Sonadezi	12.000.000	-
Công ty Cổ phần Sonadezi Châu Đức	1.818.182	11.100.000
<b>Cộng</b>	<b>15.753.362.785</b>	<b>10.704.859.934</b>

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan.

Giá dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan là theo giá thỏa thuận. Việc mua hàng hóa, dịch vụ từ các bên liên quan được thực hiện theo giá thỏa thuận.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**8. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)**

Thù lao của Hội đồng Quản trị, thu nhập của Ban Tổng Giám đốc của Tập đoàn được chi tiết như sau:

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Thù lao và thu nhập	2.795.628.000	2.502.850.000

**9. THU NHẬP BAN KIỂM SOÁT TẬP ĐOÀN**

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Tiền lương và các chi phí hoạt động	418.950.000	317.800.000

**10. CAM KẾT THEO CÁC HỢP ĐỒNG THUÊ HOẠT ĐỘNG**

Tập đoàn thuê văn phòng và nhà máy xử lý nước thải theo các hợp đồng thuê hoạt động. Các hợp đồng thuê có kỳ hạn trung bình là 3 năm (đối với thuê văn phòng) đến 10 năm (đối với thuê nhà máy xử lý nước thải), với tiền thuê cố định mỗi kỳ.

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Chi phí thuê hoạt động ghi nhận trong kỳ	12.737.078.628	9.992.215.870

Tại ngày 31/12/2019, Tập đoàn có các khoản cam kết phải trả đến hạn theo các hợp đồng thuê hoạt động không hủy ngang như sau:

	Tại ngày 31/12/2019 VND	Tại ngày 01/01/2019 VND
Từ 1 năm trở xuống	8.860.428.711	6.486.844.382
Trên 1 năm đến 5 năm	7.723.527.980	5.534.045.699
<b>Cộng</b>	<b>16.583.956.691</b>	<b>12.020.890.081</b>

**11. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Các số liệu so sánh dưới đây đã được báo cáo lại:

Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất (Trích):

	Năm 2018 VND	Năm 2018 VND
	(Được báo cáo lại)	(Đã được báo cáo trước đây)
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.848	3.091
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	2.848	3.091

Việc báo cáo lại thông tin so sánh nêu trên là do Tập đoàn đã trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 (báo cáo tài chính năm 2018 được ghi nhận theo số tạm tính).


**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**


**12. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN**

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đến ngày phát hành báo cáo tài chính hợp nhất.



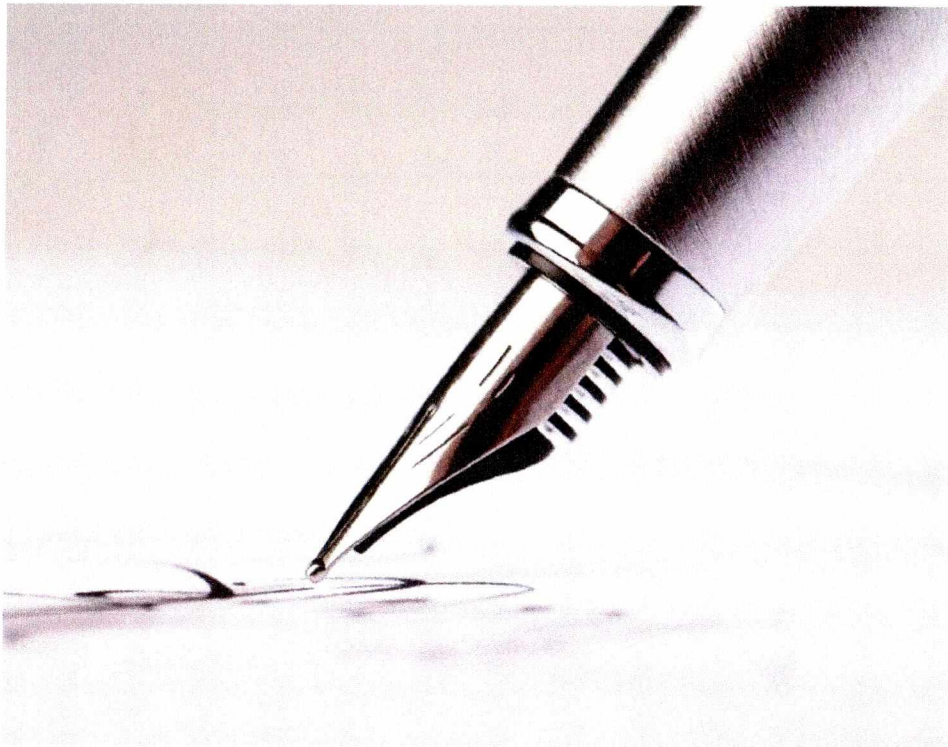
**Trần Anh Dũng**  
Tổng Giám đốc  
Đồng Nai, ngày 05 tháng 03 năm 2020

  
**Chu Huyền Trang**  
Kế toán trưởng

  
**Hoàng Thị Ngân**  
Người lập

P. C. H. P. T. M.

M. S. T. V. N.



Đồng Nai, ngày 30 tháng 03 năm 2020

XÁC NHẬN CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ SONADEZI  
NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT



**TỔNG GIÁM ĐỐC**

*Trần Anh Dũng*

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ SONADEZI**

📍 Tầng 8, Tòa nhà Sonadezi, Số 01, đường 1, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình,

TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai



(0251) 8890 888/777



(0251) 8890 199



<http://news.sonadezi-sdv.com.vn/>